



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



MỤC LỤC

01	THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	04
02	ĐIỂM NHẤN FPT TELECOM NĂM 2022	05
03	TỔNG QUAN	06
	• Giới thiệu công ty	07
	• Lịch sử hình thành và phát triển	08
	• Ngành nghề kinh doanh	09
	• Các dịch vụ chủ đạo	10
	• Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý	13
	• Công ty con	14
	• Giới thiệu Hội đồng Quản trị	15
	• Giới thiệu Ban Điều hành	17
	• Giới thiệu Ban Kiểm soát	19
	• Định hướng phát triển	20
04	TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023	21
	• Tình hình tài chính nổi bật 2022	22
	• Báo cáo của Ban điều hành	25
	• Báo cáo của Hội đồng Quản trị	29
	• Kế hoạch năm 2023	30
05	QUẢN TRỊ CÔNG TY	31
	• Hoạt động của Hội đồng Quản trị	32
	• Hoạt động của Ban Kiểm soát	33
	• Quan hệ Nhà đầu tư	34
	• Phát triển bền vững	37
06	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	41

FPT TELECOM 2022



01

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Nhà đầu tư và Quý Khách hàng!

Thay mặt Hội đồng Quản trị cùng tập thể lãnh đạo và người lao động Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, kính chúc Quý cổ đông, các Nhà đầu tư, Quý Khách hàng sức khỏe và hạnh phúc. Xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của quý vị đã dành cho chúng tôi trong thời gian qua.

Năm 2022, tròn 1/4 thế kỷ thực hiện sứ mệnh Kết nối Con người - Kết nối Yêu thương, FPT Telecom đã đạt nhiều thành tựu quan trọng cả về vận hành, cơ cấu tổ chức và hiệu quả kinh doanh. Hành trình 25 qua đã chứng minh sức mạnh con người, chiến lược đúng đắn và tiềm lực phát triển to lớn của FPT Telecom trong tương lai.

Từ 10/01/2022, FPT Telecom tái cơ cấu tổ chức thành 6 khối vận hành, bao gồm: Khối Sản phẩm dịch vụ mới, Khối Bán hàng và Chăm sóc Khách hàng, Khối Quản lý Đối tác, Khối Công nghệ Hạ tầng, Khối Tài chính và Khối Quản trị. Việc tái cấu trúc là cách trao quyền tối đa cho các khối trong việc quản trị và điều hành nhằm mục tiêu tối ưu hiệu quả hệ thống tổ chức và phục vụ Khách hàng tốt hơn.

Song song với việc tái cơ cấu tổ chức, FPT Telecom cũng nhanh chóng đón đầu các công nghệ tiên tiến và phát triển các sản phẩm tiên phong trên thị trường; ứng dụng AI và Big Data để cá nhân hóa trải nghiệm cho các đối tượng Khách hàng, nâng cao hiệu quả phục vụ.

Với sản phẩm chủ lực là Internet, FPT Telecom ra mắt gói LUX tích hợp công nghệ Wi-Fi 6 đầu tiên tại Việt Nam. Đầu năm 2023, 3 gói cước dịch vụ cáp quang FTTH mới Giga, Sky, Meta được đưa ra thị trường với băng thông cao gấp 1,5 lần đến 2 lần so với các nhà cung cấp khác trên thị trường.

Nhóm sản phẩm mới cũng liên tục được cải tiến cả về tính năng và hình thức. FPT Play cho ra mắt FPT Play Box 2022 - bộ giải mã đầu tiên tại Việt Nam tích hợp hai nền tảng công nghệ IPTV và OTT trên cùng một thiết bị. Đồng thời đẩy mạnh sở hữu bản quyền phát sóng hàng loạt nội dung giải trí đặc biệt và các giải đấu chuyên nghiệp. Trong đó phải kể đến hợp tác chiến lược giữa Công ty Cổ phần Bóng đá Chuyên nghiệp Việt Nam (VFP) và Công ty TNHH Truyền hình FPT (FPT Play) nhằm phát triển hình ảnh và khai

thác thương mại 3 giải đấu V.League 1, V.League 2 và Cúp Quốc gia trong 5 mùa giải liên tục, từ 2023 đến 2027, trên đa nền tảng.

FPT Camera ra mắt FPT Camera IQ2 ứng dụng trí tuệ nhân tạo với các tính năng nhận diện cảnh báo thông minh, giảm tình trạng cảnh báo không đúng mục đích. FPT Smart Home ra mắt 2 bộ sưu tập công tắc chất lượng, sang trọng, phù hợp với mọi kiến trúc nhà ở. Ví điện tử Foxpay phối hợp với nhiều địa phương trên cả nước thúc đẩy thanh toán không tiền mặt. Trong đó có dự án Hue-S trở thành tâm điểm truyền thông về tính hiệu quả được Bộ TT&TT công nhận. Hoạt động của Data Center được khai thác tối đa, khai trương thêm 2 Data Center mới là Fornix HN02 tổng 520 rack và Fornix HCM01 tổng 280 rack.

Các hoạt động vì cộng đồng của FPT Telecom tiếp tục được đẩy mạnh. Trong tháng 05/2022, dự án FoxSteps 2 được triển khai với sự tham gia của hơn 10.000 CBNV nhằm gây quỹ xây dựng hệ thống phòng lab chất lượng cao cho các em học sinh trường Hy Vọng. Chuỗi chương trình “Chấp cánh ước mơ”, “Cùng em đến trường” đã trao tặng máy tính, đồ dùng học tập cho nhiều trường học trên toàn quốc,... Quý “Chung tay Đồng đội FPT Telecom” hoạt động tích cực, hỗ trợ được 121 trường hợp CBNV gặp hoàn cảnh khó khăn.

Kỷ niệm 25 năm thành lập, FPT Telecom tổ chức chuỗi chương trình: “Kết nối Thành công”, “Kết nối Đam mê” và “Kết nối Tương lai” tạo ấn tượng tích cực đối với các bộ ban ngành, doanh nghiệp đối tác và khách hàng trên toàn quốc. Đặc biệt, trong lễ kỷ niệm 25 năm, FPT Telecom vinh dự nhận Bằng khen từ Bộ TT&TT do Thứ trưởng Phan Tâm trao tặng. Bên cạnh đó, trong năm 2022, FPT Telecom đã giành được nhiều giải thưởng danh giá, trong đó có thể kể đến giải thưởng “Nhà cung cấp dịch vụ Trung tâm dữ liệu hàng đầu Việt Nam”, đạt 3 giải thưởng Sao Khuê với các sản phẩm đạt giải lần lượt là Mobi-Foxpay, OnCX và Dịch vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến AGM (FTI).

Kết thúc năm 2022, doanh thu thuần của toàn Công ty đạt 14.730 tỷ đồng, đạt 101,2% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế của toàn Công ty đạt 2.818 tỷ đồng, tăng trưởng 17,6% so với năm 2021 và hoàn thành 100,2% kế hoạch



đề ra. Doanh thu dịch vụ viễn thông cho khách hàng tổ chức tăng trưởng 15,6% và hoàn thành 101,2% kế hoạch đặt ra; doanh thu dịch vụ truyền hình trả tiền tăng trưởng 25,9% so với năm 2021 và hoàn thành 100,7% chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

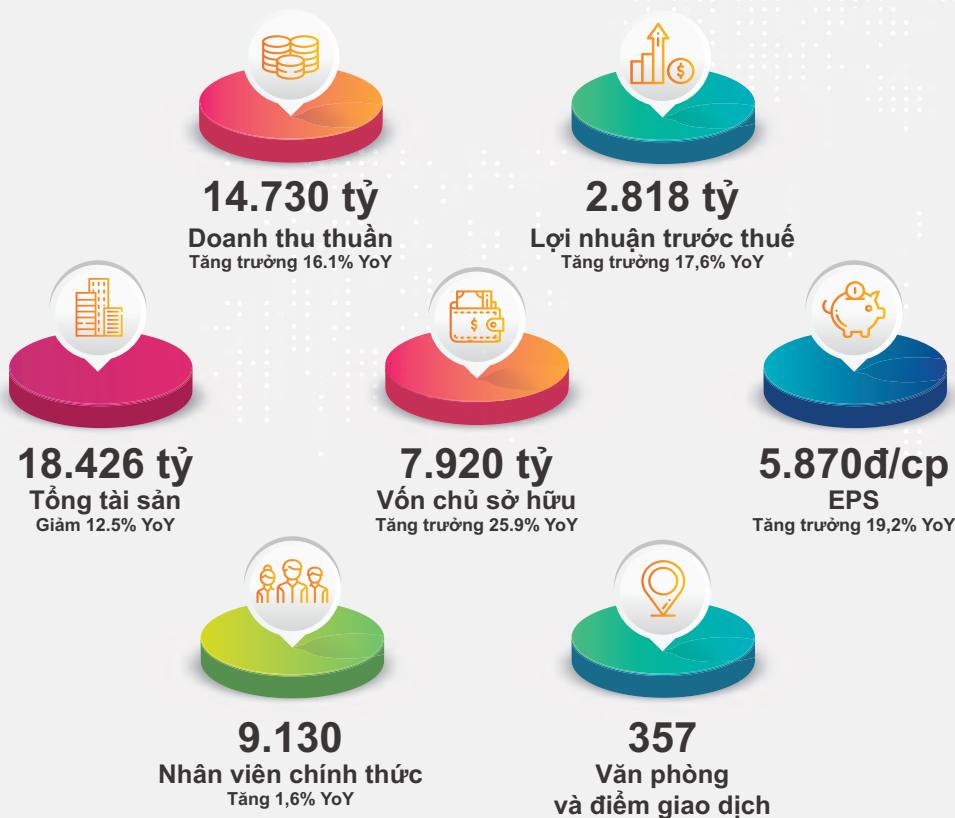
Năm 2023, FPT Telecom đặt mục tiêu doanh thu là 16.730 tỷ đồng, tăng trưởng 13,6% so với năm 2022; kế hoạch lợi nhuận trước thuế của Công ty là 3.230 tỷ đồng, tăng trưởng 14,6% so với năm 2022.

Kiên định với sứ mệnh “Kết nối” suốt 25 năm qua, tiếp tục chiến lược khác biệt là nỗ lực đem đến “Trải nghiệm khách hàng tuyệt vời”, đồng thời hướng ứng thông điệp năm kỷ niệm 35 năm thành lập FPT từ Tập đoàn, hoạt động trọng tâm của FPT Telecom trong năm 2023 sẽ hướng về chủ đề “Hạnh phúc”. Chúng tôi tận tâm mang đến hạnh phúc cho Khách hàng, cho CBNV và cho Cộng đồng.

Rất mong Quý vị sẽ tiếp tục đồng hành cùng chúng tôi trên hành trình “Kiến tạo Hạnh phúc - Kết nối Yêu thương”.

Trân trọng!
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
HOÀNG NAM TIẾN

02 ĐIỂM NHẤN FPT TELECOM NĂM 2022

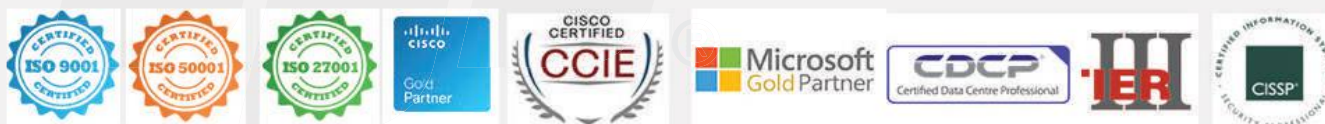


CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

- Đạt 31 Giải thưởng Sao Khuê liên tiếp từ năm 2012 đến năm 2022 cho nhiều sản phẩm dịch vụ
- 4 năm liên tiếp đạt Giải thưởng “Nhà cung cấp dịch vụ Internet Cố định được khách hàng hài lòng nhất về Chất lượng Dịch vụ và Chăm sóc Khách 2019 - 2022” của IDG
- Giải thưởng “Top 10 doanh nghiệp ICT Việt Nam” năm 2022
- Giải thưởng “Nhà cung cấp dịch vụ Trung tâm dữ liệu hàng đầu Việt Nam” năm 2022, tổ chức bởi W.Media Asia Pacific
- Top 5 doanh nghiệp Việt Nam có tầm ảnh hưởng tới sự phát triển Internet trong 25 năm
- Nhận Bằng khen khen thưởng từ Bộ Thông tin và Truyền thông



CÁC CHỨNG CHỈ TIÊU BIỂU



03

TỔNG QUAN VỀ FPT TELECOM

Việc phát huy các giá trị văn hóa truyền thống lấy con người làm trọng tâm và sức mạnh công nghệ đã giúp FPT Telecom phát triển nội lực và niềm tin để thực thi Chiến lược mang tới Trải nghiệm tuyệt vời cho Khách hàng và Nhân viên – **Amazing Experience**, từ đó tiên phong trở thành **Digital Service Provider** có trải nghiệm vượt trội, tốt nhất tại Việt Nam.

GIỚI THIỆU CÔNG TY

TÊN CÔNG TY:	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom)
MÃ CHỨNG KHOÁN:	FOX
VỐN ĐIỀU LỆ:	3.283.395.380.000 đồng
GCNĐKDN:	0101778163
TRỤ SỞ CHÍNH:	Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
VĂN PHÒNG HÀ NỘI:	Tầng 9, Tòa nhà FPT Tower, Số 10 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
VĂN PHÒNG ĐÀ NẴNG:	182 – 184 Đường 2 tháng 9, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
VĂN PHÒNG HỒ CHÍ MINH:	Lô 29A-31A-33A, Tòa nhà FPT, Đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐIỆN THOẠI:	(84-24) 7300 2222
FAX:	(84-24) 7300 8889
WEBSITE:	www.fpt.vn



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2001

Ra mắt báo điện tử đầu tiên tại Việt Nam VnExpress.net.

2005

Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT (FPT Telecom).

2008

Trở thành nhà cung cấp dịch vụ Internet cáp quang băng rộng (FTTH) đầu tiên tại Việt Nam.

2012

Hoàn thiện tuyến trục Bắc Nam với tổng chiều dài 4.000 km.

2014

Có mặt tại Myanmar. Là một trong những đơn vị dẫn đầu trong chuyển đổi IPv6.

2017

Chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán UPCOM. Ra mắt gói dịch vụ Internet tốc độ nhanh nhất Việt Nam SOC – 1Gbps.

2019

Ra mắt hàng loạt các sản phẩm dịch vụ nổi bật: FPT Camera, iHome, HBO GO, Foxy...

2021

Hợp nhất FPT Play và Truyền hình FPT thành Truyền hình FPT Play. Ra mắt sản phẩm FPT Play Box S, ra mắt giải pháp Camera SME cho doanh nghiệp vừa và nhỏ

1997

Ngày 31/01/1997 trung tâm FPT Internet (FPT Online Exchange - FOX - tiền thân của FPT Telecom) được thành lập tại Hà Nội với sản phẩm mang trí tuệ Việt Nam.

2002

Trở thành nhà cung cấp kết nối Internet IXP (Internet Exchange Provider).

2007

Trở thành thành viên chính thức của liên minh AAG.

2009

Đạt mốc doanh thu 100 triệu USD.

2013

Ra mắt dịch vụ Truyền hình IPTV với thương hiệu Truyền hình FPT.

2016

Khai trương Trung tâm dữ liệu chuẩn Uptime TIER III lớn nhất miền Nam. Được cấp phép triển khai thử nghiệm mạng 4G tại Việt Nam.

2018

Hoàn thiện việc quang hóa hạ tầng trên phạm vi toàn quốc. Ra mắt Box truyền hình 4K, Voice remote.

2020

Ra mắt nhiều sản phẩm lớn: Foxpay, F.safe, F.work, F.Drive, bộ giải mã FPT TV 4K FX6 của Truyền hình FPT, cùng nhiều giải pháp hỗ trợ mùa dịch Covid 19.

2022

Ra mắt gói Lux tích hợp công nghệ Wifi 6 và Bộ giải mã đầu tiên tại thị trường Việt Nam tích hợp hai công nghệ IPTV và OTT là Box FPT Play 2022. Khai trương 2 Data Center: Fornix HN02 và Fornix HCM01 với công suất 800 rack

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

01 CUNG CẤP HẠ TẦNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

- Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet).
- Hoạt động của các điểm truy cập Internet.
- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: Dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ fax gia tăng giá trị, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, dịch vụ chuyển đổi mã và giao thức, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng.
- Dịch vụ viễn thông cố định quốc tế, dịch vụ viễn thông cố định đường dài trong nước.
- Dịch vụ viễn thông cố định nội hạt: dịch vụ điện thoại, fax, dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền dẫn tín hiệu truyền hình, dịch vụ thuê kênh, dịch vụ telex, dịch vụ điện báo.
- Thiết lập hạ tầng mạng và cung cấp các dịch vụ viễn thông, Internet.
- Đại lý, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet.
- Cung cấp hạ tầng mạng viễn thông cho dịch vụ Internet băng thông rộng.
- Hoạt động viễn thông có dây.

02 DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH, GIẢI TRÍ, DỊCH VỤ GTGT VÀ NỘI DUNG SỐ

- Đại lý cung cấp các dịch vụ truyền hình, phim ảnh, âm nhạc trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Dịch vụ tin nhắn, dữ liệu, thông tin giải trí trên mạng điện thoại di động.
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Đại lý, cung cấp trò chơi trực tuyến trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Hoạt động phát hành phim ảnh, phim video và chương trình truyền hình: dịch vụ phát hành phim ảnh, giải trí, giá trị gia tăng trên mạng viễn thông Internet, dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV theo Giấy phép số 239/GP-BTTTT.
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.
- Hoạt động hậu kỳ, hoạt động chiếu phim, hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc.
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.
- Thi công, dịch vụ lắp đặt hệ thống truyền hình cáp, tư vấn, thiết kế lắp đặt chuyển giao công nghệ máy móc thiết bị phát thanh truyền hình, điện, điện tử và viễn thông.

03 CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

- Xuất nhập khẩu thiết bị mạng viễn thông và Internet.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, bán buôn vật tư máy móc chuyên dụng, dân dụng về phát thanh truyền hình, điện, điện tử và viễn thông, bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Xuất bản phần mềm, các dịch vụ thông tin qua điện thoại, các dịch vụ tìm kiếm thông tin qua hợp đồng hay trên cơ sở phí.
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính, cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Sản xuất thiết bị truyền thông, công nghệ thông tin, quảng cáo.
- Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.
- Xây dựng công trình công ích khác: xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông.

CÁC DỊCH VỤ CHỦ ĐẠO

KẾT NỐI KHÔNG GIỚI HẠN CÙNG INTERNET FPT

GTGA
Download/Upload: 150Mbps
Trang bị Modem WiFi 5, 02 băng tần

SKY
Download: Không giới hạn
Trang bị Modem WiFi 5/WiFi 6, 02 băng tần

META
Download/Upload: Không giới hạn
Trang bị Modem WiFi 5/WiFi 6, 02 băng tần

* Số liệu chỉ thực tế với điều kiện xác định theo thông tin thiết bị thực tế và môi trường sử dụng thực tế. Không đảm bảo.

GTGA | SKY | META

1900 6600 | facebook.com/FptTelecom/ | www.fpt.vn

01

INTERNET FPT

Dịch vụ mạng cáp quang FPT được nhiều cá nhân, tổ chức đánh giá là nhà cung cấp dịch vụ Internet có chất lượng đường truyền dữ liệu cáp quang siêu tốc, ổn định gần như không xảy ra hiện tượng mất mạng trong quá trình sử dụng. Cáp quang FPT sử dụng nền tảng công nghệ mới tốc độ nhanh gấp 200 lần so với công nghệ ADSL, bảo mật tuyệt đối thông tin người dùng, không bị ảnh hưởng bởi thời tiết, giá thành siêu rẻ.

FPT Play
TẬN HƯỞNG THẾ GIỚI GIẢI TRÍ KHÔNG GIỚI HẠN

CHẠY CÙNG V.LEAGUE
NIGHT WOLF
LEAGUE 1 - 2021

XEM ĐỒNG THỜI TỪ 2 - 5 THIẾT BỊ

1900 6600 | facebook.com/FptTelecom/ | www.fpt.vn

02

FPT PLAY

FPT Play cung cấp hơn 15.000 giờ nội dung bao gồm phim truyện, TV show và gần 200 kênh truyền hình trong nước, quốc tế.

Hàng loạt các giải đấu thể thao lớn, có bản quyền như UEFA, AFC hay Bellator MMA... cũng liên tục được cập nhật. Ngoài ra FPT Play cũng cung cấp các ứng dụng học tập online, rèn luyện tại nhà với huấn luyện viên chuyên nghiệp và ứng dụng sự kiện trực tuyến...

Tháng 9/2021, truyền hình FPT và dịch vụ FPT Play hợp nhất làm một, dưới tên gọi chung là FPT Play, đánh dấu bước chuyển mình sau gần một thập kỷ phát triển.

FPT Smart Home
AMAZING LIVING

NHỮNG YẾU TỐ TẠO NÊN SỰ KHÁC BIỆT CHO NGÔI NHÀ THÔNG MINH

SANG TRỌNG
Thiết kế hiện đại và tinh tế

THÂN THIÊN
Phù hợp với mọi không gian sống

THÔNG MINH
Điều khiển bằng giọng nói

1900 6600 | facebook.com/FptTelecom/ | www.fpt.vn

03

SMART HOME

FPT CAMERA - Cung cấp dịch vụ camera hỗ trợ giám sát an toàn và bảo mật thông tin. FPT Camera cam kết ổn định về tín hiệu, chất lượng hình ảnh cao, kết nối với nhiều thiết bị di động, sử dụng lưu trữ Cloud.

IHOME - Là thiết bị cảnh báo đột nhập, giúp khách hàng theo dõi tình trạng căn nhà mỗi khi đi vắng. Sản phẩm có thiết kế nhỏ gọn, lắp đặt dễ dàng và phù hợp lắp đặt trên nhiều loại cửa khác nhau.

SMART HOME - FPT Smart Home là nền tảng nhà thông minh điều khiển bằng giọng nói tiếng Việt hàng đầu Việt Nam. FPT Smart Home hiện cung cấp 4 giải pháp thông minh gồm: Điều khiển, Chiếu sáng, An ninh, Truyền hình nhằm mang đến một không gian sống hiện đại, tiện nghi và phù hợp với tất cả mọi người dân Việt Nam.



04

DOANH NGHIỆP

KÊNH THUÊ RIÊNG (LEASED LINE)

Internet Leased Line là dịch vụ cung cấp kết nối Internet trực tiếp ra Quốc tế (GIA) và Internet trong nước (NIX). Khác với các kết nối Internet thông thường, đường truyền Internet Leased Line có thể cung cấp mọi tốc độ từ 01 Mbps đến hàng chục Gbps với cam kết tốt nhất về độ ổn định, tốc độ kết nối, tính riêng biệt cùng với chế độ chăm sóc khách hàng đặc biệt.



TRUNG TÂM DỮ LIỆU (DATA CENTER)

Dịch vụ cung cấp các loại máy chủ chuyên dùng, không gian đặt tủ rack, không gian đặt máy chủ và các kết nối từ máy chủ ra môi trường Internet hay kết nối riêng trực tiếp đến văn phòng khách hàng thông qua môi trường Intranet với hệ thống Trung tâm dữ liệu (Data Center) chuẩn Uptime Tier III quy mô lớn hàng đầu Việt Nam.

FPT Telecom



05

ỨNG DỤNG ONLINE

VÍ ĐIỆN TỬ FOXPAY

Là nền tảng thanh toán điện tử đáp ứng tiêu chuẩn Bảo mật quốc tế PCI DSS cấp độ cao nhất, đem đến trải nghiệm vượt trội và an toàn nhất cho khách hàng với những tính năng thanh toán hóa đơn điện nước, dịch vụ truyền hình, thẻ cào điện thoại, chuyển tiền...



HI FPT

Ứng dụng kinh doanh chăm sóc khách hàng Internet bằng rộng và truyền hình trả tiền đầu tiên tại Việt Nam. Chỉ bằng vài thao tác, khách hàng sẽ được hỗ trợ xử lý sự cố tức thì hoặc tra cứu thông tin dịch vụ một cách đầy đủ và kịp thời nhất mọi lúc mọi nơi, 24/7.



FSHARE

Là dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tài nguyên trực tuyến hàng đầu tại Việt Nam hiện nay với nền tảng công nghệ điện toán đám mây (cloud computing) với dung lượng, hệ thống lưu trữ tốt nhất đặt tại các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn quốc tế của FPT.

06

ONLINE MEDIA

Hệ thống báo điện tử VN-Express với hơn 15 tỷ lượt xem mỗi ngày



CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ QUẢN LÝ BỘ MÁY



CÔNG TY CON



CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ Internet, đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Vốn điều lệ: 184.712.750.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 56,51%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ Game Online, Báo điện tử, thanh toán điện tử.

CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT TÂN THUẬN

Vốn điều lệ: 70.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác.

CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH FPT

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ truyền hình.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG FPT

Vốn điều lệ: 276.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 99,99%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông: **HOÀNG NAM TIẾN**

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thông tin

Ông gia nhập FPT từ năm 1993 và đã trải qua nhiều vị trí lãnh đạo cao cấp trong Tập đoàn. Ông giữ vị trí Chủ tịch FPT Software trong giai đoạn 2012-2020. Trong 8 năm liên tục dưới sự dẫn dắt của ông, FPT Software đã trở thành 1 trong 500 công ty phần mềm lớn nhất trên thế giới và lọt vào top 100 nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu thế giới. Tháng 3/2020, ông được bầu làm Chủ tịch FPT Telecom. Ông đã có nhiều cải tiến và những chính sách quyết liệt giúp FPT Telecom đứng vững qua giai đoạn khủng hoảng và duy trì vị thế là một trong những doanh nghiệp Viễn thông hàng đầu Việt Nam.



Ông: **TRƯƠNG GIA BÌNH**

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1956

Trình độ chuyên môn: Phó giáo sư, Tiến sỹ Toán-Lý

Sáng lập ra FPT năm 1998, ông là nhà tổ chức, người tập hợp lực lượng của FPT. Với tầm nhìn xa, ông luôn đưa ra những định hướng chiến lược có tính bước ngoặt cho sự phát triển của FPT. Ông được bình chọn là một trong 10 nhân vật tiêu biểu của ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) Việt Nam giai đoạn 2000-2009 do các nhà báo trong lĩnh vực ICT bình chọn. Ngày 07/04/2022, ông tiếp tục được bầu vào vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị FPT nhiệm kỳ 2022 - 2027. Tháng 10/2022, trong khuôn khổ hội nghị thượng đỉnh công nghệ số ASOCIO, ông được bầu làm Phó Chủ tịch ASOCIO nhiệm kỳ 2023 - 2024.



Bà: **CHU THỊ THANH HÀ**

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Bà từng giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty CP FPT từ năm 2011 đến 2015. Bà là một trong 4 thành viên sáng lập của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Bà đã dẫn dắt, quản trị và lãnh đạo FPT Telecom trong suốt thời gian từ ngày đầu thành lập công ty (1997) đến đầu năm 2020 và trải qua nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt như Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch và Chủ tịch Hội đồng Quản trị FPT Telecom (2015-2020). Dưới sự lãnh đạo của Bà, FPT Telecom đã trở thành một trong những doanh nghiệp viễn thông, Internet có uy tín và vị thế vững chắc tại thị trường Việt Nam. Từ tháng 3/2020 Bà được bổ nhiệm vào vị trí Chủ tịch HĐQT FPT Software và thời giữ vị trí Chủ tịch HĐQT FPT Telecom.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông: **NGUYỄN VĂN KHOA**

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông có 24 năm kinh nghiệm phát triển các mảng Dịch vụ Viễn thông và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý quan trọng tại FPT Telecom như: Phó Giám đốc Kinh doanh khu vực phía Bắc, Giám đốc Trung tâm Quản lý hạ tầng, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT và giữ vị trí Tổng Giám đốc FPT Telecom trong giai đoạn 2012-2017. Tháng 01/2018, Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT, Tổng Giám đốc Công ty Hệ thống thông tin FPT. Tháng 3/2019 ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT Việt Nam, Ủy viên Ban chấp hành Hội tin học Tp.HCM. Ông hiện là Ủy viên HĐQT Công ty FPT Telecom, Chủ tịch Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam. Tháng 10/2022, ông được bầu làm Phó Chủ tịch ASOCIO nhiệm kỳ 2023 - 2024.



Bà: **LÊ NGỌC DIỆP**

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Bà có 13 năm công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Bà hiện đang giữ chức vụ Phó trưởng Ban – Ban Đầu tư 4 thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Bà có bằng thạc sỹ Quản trị công được cấp bởi Đại học Quốc gia Singapore và là cử nhân Ngân hàng tài chính của Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội. Bà được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị của FPT Telecom từ ngày 28/3/2018.



Ông: **NGUYỄN HOÀNG QUYỀN**

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Ông có 08 năm kinh nghiệm công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Ông có bằng thạc sỹ tại Trường Đại học Portsmouth, Vương quốc Anh chuyên ngành Quản trị và Kinh doanh. Ông được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị của FPT Telecom từ năm 2022.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông: **HOÀNG VIỆT ANH**

Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thông tin

Ông gia nhập FPT từ năm 1993 và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại FPT. Ông từng giữ chức Tổng Giám đốc của FPT Software, và được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc FPT Telecom từ tháng 03/2018. Ông có nhiều kinh nghiệm chỉ đạo các dự án quy mô hàng triệu USD với khách hàng tại Singapore, Malaysia, Mỹ...trong lĩnh vực dầu khí, hàng không, truyền hình vệ tinh, tài chính - ngân hàng – bảo hiểm. Năm 2007, ông là một trong 10 gương mặt tiêu biểu được nhận Giải thưởng Quả cầu Vàng CNTT do Trung ương Đoàn và Bộ Khoa học Công nghệ tổ chức, nhờ nỗ lực đưa hình ảnh CNTT Việt Nam ra thế giới. Năm 2018, ông được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn FPT.



Ông: **NGUYỄN HOÀNG LINH**

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Gia nhập FPT năm 2008 và giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty TNHH FPT Telecom Miền Nam. Từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2012, Ông là Giám đốc Tài chính FPT Telecom. Tháng 1/2013, ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Bà: **VŨ THỊ MAI HƯƠNG**

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tin học

Bà gia nhập FPT từ năm 1993 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại FPT Telecom như Chủ tịch Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT, Phó Ban nhân sự FPT Telecom. Tháng 4/2011, bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông: **CHU HÙNG THẮNG**

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Ông gia nhập FPT từ năm 2001, ông làm việc tại Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT với các vị trí Trưởng phòng Kỹ thuật triển khai, Phó Giám đốc Trung tâm FIS 3. Năm 2008, ông chuyển sang FPT Telecom giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh Hà Nội 3. Ông lần lượt đảm nhiệm qua nhiều vị trí lãnh đạo tại FPT Telecom: Giám đốc điều hành kinh doanh vùng 2 (Tây Bắc Bộ), vùng 3 (Đông Bắc Bộ) và vùng 1 (Hà Nội). Tháng 12/2013, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

BAN KIỂM SOÁT



Ông: **TRẦN KHƯƠNG**

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1990

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Ông gia nhập FPT Telecom từ năm 2019 và đảm nhận vị trí Chuyên viên Kế toán tổng hợp. Ông được bổ nhiệm vị trí Trưởng Ban Kiểm soát của FPT Telecom ngày 20/04/2022.



Ông: **PHẠM XUÂN HOÀN**

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1986

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Ông gia nhập FPT Telecom từ năm 2017, với vị trí Trưởng phòng Pháp chế. Tháng 1 năm 2022, Ông được bổ nhiệm vị trí Trưởng Ban Pháp chế của FPT Telecom. Ngày 20/04/2022 ông được bổ nhiệm vị trí thành viên Ban Kiểm soát của FPT Telecom.



Ông: **ĐỖ XUÂN PHÚC**

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Ông hiện đang công tác tại Ban đầu tư 4 thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Ông được bổ nhiệm vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát của FPT Telecom từ ngày 28/3/2018.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

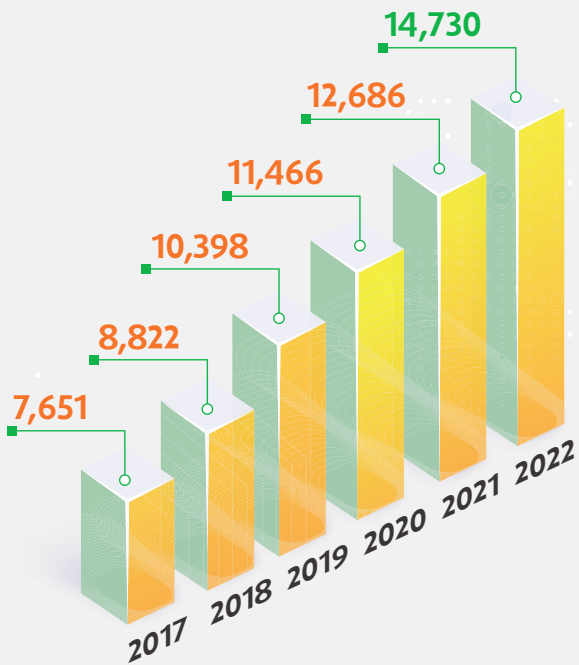
Năm 2022, FPT Telecom hân hoan kỷ niệm 25 tuổi của mình bằng chuỗi hoạt động được thúc đẩy mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực, từ sản xuất kinh doanh, sáng tạo/đột phá (innovation) tới các sự kiện, phong trào mang đậm dấu ấn và bản sắc doanh nghiệp. Chính tinh thần đoàn kết, kỷ luật và ý chí kiên cường của cả tập thể lãnh đạo cùng cán bộ nhân viên đã giúp FPT Telecom tiếp tục vượt qua khó khăn hậu Covid-19, để tiếp tục ghi dấu những kết quả kinh doanh ấn tượng: Doanh thu và lợi nhuận sau thuế duy trì tăng trưởng hai chữ số (16,1% và 17,9%). Mảng kinh doanh B2C chứng kiến sự tăng trưởng ấn tượng của FPT Play sau khi hợp nhất thương hiệu Truyền hình FPT và FPT Play; các sản phẩm, dịch vụ mới như FPT Camera, Foxpay, gói dịch vụ Internet băng thông rộng tốc độ cao LUX tích hợp Wifi 6... ngày càng thâm nhập và được thị trường đón nhận. Đồng thời, mảng kinh doanh B2B cũng ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao về doanh thu và lợi nhuận. Chất lượng hạ tầng – kỹ thuật tiếp tục được cải thiện tốt nhằm đáp ứng nhu cầu không ngừng tăng lên của khách hàng trên toàn quốc.

Ngay từ khi thành lập, Internet FPT đã định hướng tới chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm, “kết nối con người”, đưa ra nhiều chương trình hấp dẫn, mục tiêu là để khách hàng được truy cập internet nhanh nhất, dễ dàng nhất.

Với truyền thống “Thành công nối tiếp thành công”, FPT Telecom tiếp tục đặt ra những mục tiêu thách thức cho giai đoạn tiếp theo: đạt mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trên 20% mỗi năm, hướng tới mục tiêu 1 tỷ USD doanh thu vào năm 2025. Trước bối cảnh kinh tế vĩ mô rất nhiều biến động, thách thức, đặc biệt trong năm 2023, toàn thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên FPT Telecom xác định mục tiêu tăng trưởng là mệnh lệnh và đề cao tinh thần quyết chiến quyết thắng - ý thức tuân thủ kỷ luật - tinh thần chủ động sáng tạo. Chiến lược Amazing Experience - Trải nghiệm Tuyệt vời tiếp tục là triết lý, phương tiện đạt được những mục tiêu trên của FPT Telecom trong các năm tiếp theo. Trên nền tảng văn hóa "Lấy con người là trọng tâm" (People Centric), FPT Telecom sẽ chủ động nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới nhất như AI, BigData Analytics để trở thành Digital Service Provider (DSP) mang lại trải nghiệm tốt nhất cho cả khách hàng và nhân viên tại Việt Nam. Năm 2023, chiến lược sẽ được thực hiện sâu hơn, rộng hơn bởi tất cả các khối ngành, phòng ban trên toàn quốc. Bên cạnh đó, trong vai trò một Công ty thành viên có nhiều điểm chạm nhất với khách hàng của Tập đoàn FPT, FPT Telecom cũng đã sẵn sàng và sẽ tiên phong tham gia đóng góp, xây dựng hệ sinh thái toàn diện của Tập đoàn, nhằm đưa FPT lên một tầm cao phát triển mới.

04 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022 & KẾ HOẠCH NĂM 2023

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2022



DOANH THU THUẦN

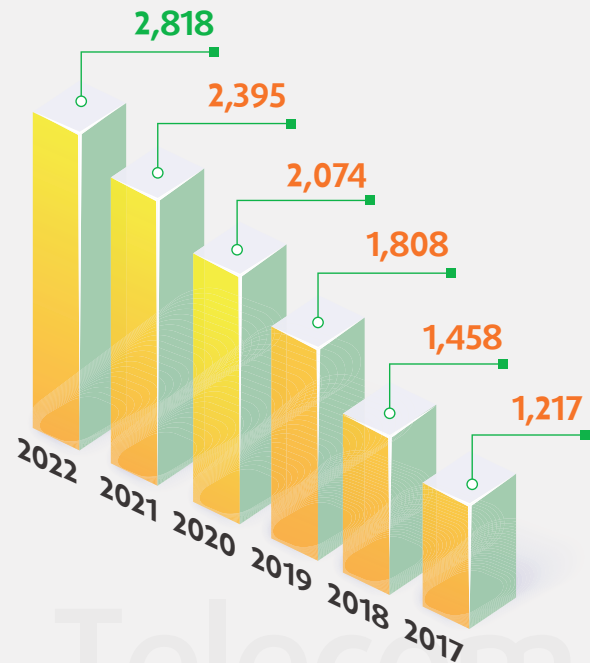
**14.730 TỶ ĐỒNG,
TĂNG TRƯỞNG 16,1% YOY.**

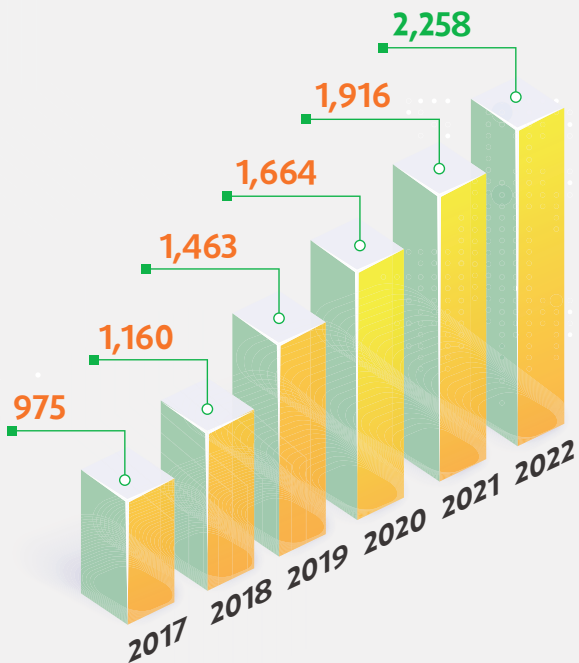
Năm 2022, FPT Telecom tiếp tục tăng trưởng doanh thu ấn tượng nhờ đầu tư, mở rộng cơ sở hạ tầng, cũng như cải thiện chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

**2.818 TỶ ĐỒNG,
TĂNG TRƯỞNG 17,6% YOY.**

Năm 2022, Công ty tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp kiểm soát chi phí, hoàn thành xuất sắc kế hoạch lợi nhuận được giao, giữ vững mức tăng trưởng ấn tượng.





LỢI NHUẬN SAU THUẾ

**2.258 TỶ ĐỒNG,
TĂNG TRƯỞNG 17,9% YOY.**

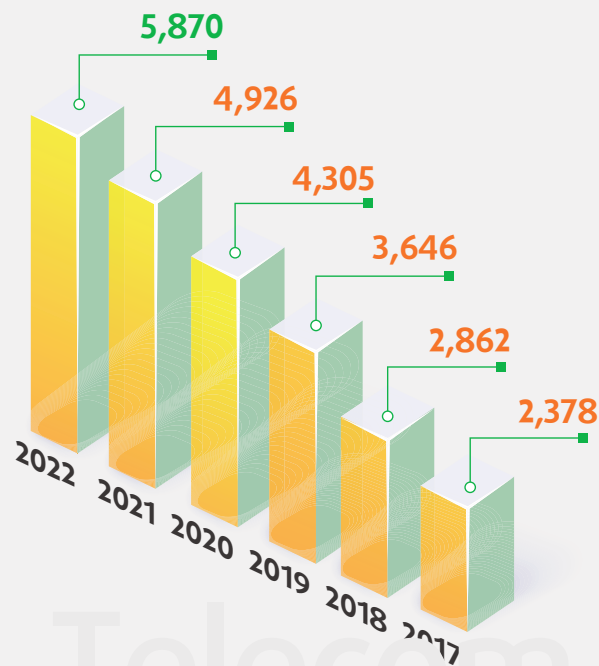
Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng tương ứng với mức tăng Doanh thu khi đạt mức tăng trưởng 17,9%.

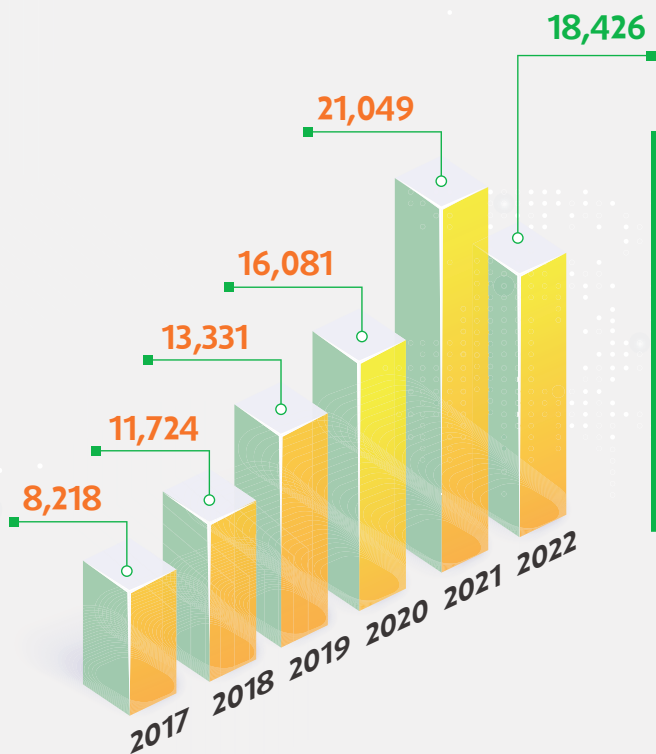
LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (EPS)

**5.870 ĐỒNG/CP
TĂNG TRƯỞNG 19,2% YOY.**

EPS của Công ty tiếp tục tăng trưởng 19,2% so với năm 2021, cho thấy hoạt động kinh doanh năm 2022 tiếp tục đem lại hiệu quả tốt cho Cổ đông Công ty.

(EPS được điều chỉnh hồi tố cho tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu).



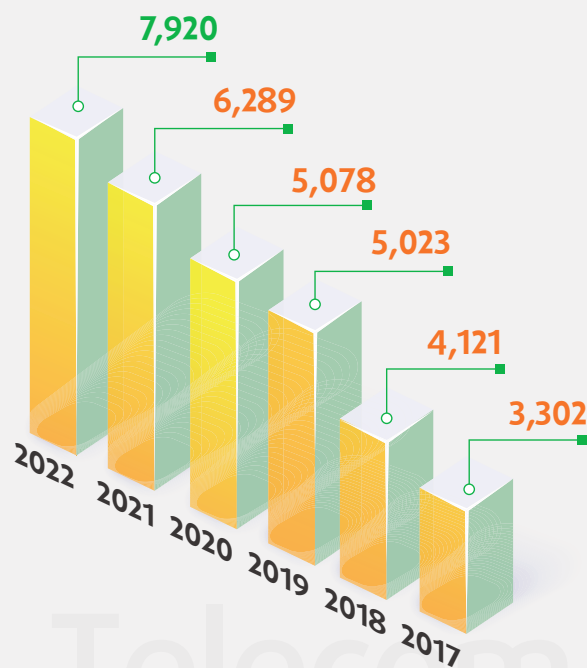


TỔNG TÀI SẢN
18.426 TỶ ĐỒNG,
GIẢM 12,5% YOY.

Năm 2022, Tổng tài sản của Công ty giảm 12,5% so với năm 2021 do Công ty thực hiện cắt giảm các khoản nợ vay Ngân hàng, tự chủ Nguồn vốn sẵn có để giảm thiểu rủi ro tài chính.

VỐN CHỦ SỞ HỮU
7.920 TỶ ĐỒNG,
TĂNG TRƯỞNG 25,9% YOY.

Nguồn Vốn tăng trưởng mạnh so với năm 2021, cho thấy Công ty đẩy mạnh Nguồn lực sẵn có, là nền tảng cho sự phát triển bền vững của FPT Telecom.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

KẾT QUẢ DOANH THU

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021	% Tăng giảm
1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	14.729.649	12.686.416	16,1%
1	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	2.832.655	2.389.354	18,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.817.597	2.394.930	17,6%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.258.346	1.915.838	17,9%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng/Cp	5.870	4.926	19,2%

Năm 2022, FPT Telecom tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng trên hai con số, doanh thu hợp nhất toàn công ty đạt 14.730 tỷ đồng, tăng trưởng 16,1% so với năm 2021. Lợi nhuận trước thuế đạt 2.818 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 2.258 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu thực tế đạt 5.870 đồng/cổ phiếu tăng 19,2% so với năm 2021. Tổng tài sản của Công ty tính đến cuối năm 2022 đạt 18.426 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu đạt 7.920 tỷ đồng và vốn điều lệ là 3.283 tỷ đồng.



TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021	% Tăng giảm
I	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	10.099.244	13.672.034	-26,1%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	Triệu đồng	1.418.670	374.930	278,4%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	Triệu đồng	5.856.788	11.238.439	-47,9%
3	Phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	1.357.716	1.208.969	12,3%
4	Hàng tồn kho	Triệu đồng	1.117.621	689.688	62,0%
5	Tài sản ngắn hạn khác	Triệu đồng	348.449	160.007	117,8%
II	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	8.326.319	7.377.374	12,9%
1	Các khoản phải thu dài hạn	Triệu đồng	35.094	34.079	3,0%
2	Tài sản cố định	Triệu đồng	5.610.370	4.907.968	14,3%
3	Tài sản dở dang dài hạn	Triệu đồng	359.405	480.692	-25,2%
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Triệu đồng	6.200	6.200	0,0%
5	Tài sản dài hạn khác	Triệu đồng	2.315.250	1.948.435	18,8%
III	Tổng tài sản	Triệu đồng	18.425.564	21.049.408	-12,5%

Tài sản ngắn hạn: Trong năm 2022, Tài sản ngắn hạn giảm 26,1% so với năm 2021 là do Công ty giảm các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng) để thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn, nhằm giảm thiểu rủi ro tài chính.

Tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn tăng 12,9% so với năm 2021. Trong năm 2022, Công ty tiếp tục đầu tư và xây dựng Trung tâm dữ liệu tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như đầu tư, mở rộng hạ tầng cáp quang phục vụ cho việc mở rộng băng thông, nhằm nâng cao chất lượng đường truyền, cải thiện dịch vụ chăm sóc khách hàng.

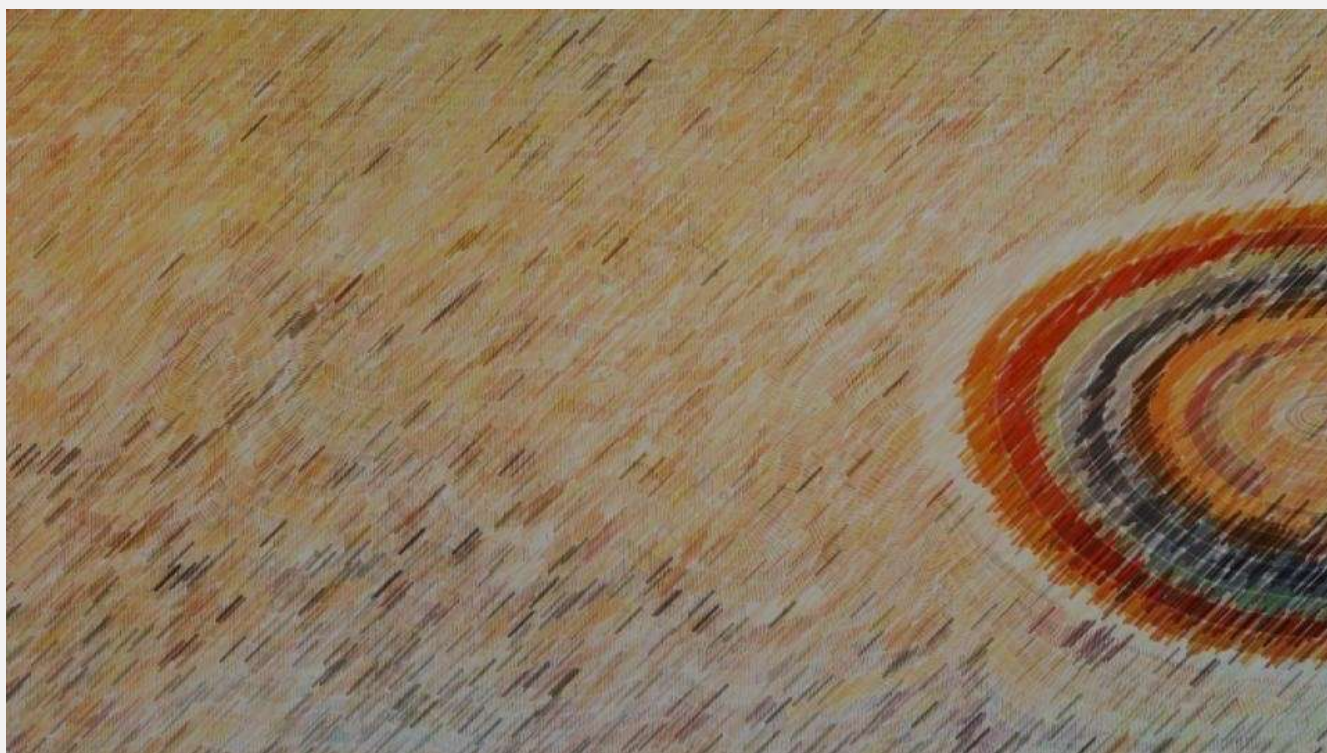


NGUỒN VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021	% Tăng giảm
I	Tổng nợ	Triệu đồng	10.505.861	14.760.410	-28,8%
1	Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	10.426.643	13.967.863	-25,4%
2	Nợ dài hạn	Triệu đồng	79.218	792.547	-90,0%
II	Vốn Chủ sở hữu	Triệu đồng	7.919.702	6.288.998	25,9%
1	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	7.919.702	6.288.998	25,9%
III	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	18.425.564	21.049.408	-12,5%

Nợ phải trả: Nợ ngắn hạn giảm 28,8%, do Công ty đã sử dụng một phần Tài sản ngắn hạn để thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn nhằm giảm thiểu rủi ro tài chính.

Vốn chủ sở hữu: Tăng 25,9% so với năm 2021, chủ yếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế giữ lại trong năm 2022.



CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	0,97	0,98
2	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,86	0,93
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,57	0,70
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,33	2,35
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay khoản phải thu	Lần	11,48	10,49
2	Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,80	0,60
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	%	19,1%	18,9%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	15,3%	15,1%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	28,5%	30,5%
4	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	11,4%	9,1%
5	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	19,2%	18,8%

Khả năng thanh toán: Không có nhiều biến động và vẫn được đảm bảo tốt so với năm trước cho thấy Công ty có đủ nguồn lực để thanh toán cho các khoản nợ trong tương lai.

Cơ cấu vốn: Hệ số nợ trong năm 2022 giảm so với năm 2021 cho thấy Công ty sử dụng nhiều hơn nguồn lực sẵn có, giảm nhu cầu sử dụng vốn vay từ bên ngoài, từ đó giảm rủi ro cũng như gánh nặng tài chính.

Năng lực hoạt động: Các chỉ số về năng lực hoạt động của Công ty đều tăng so với năm 2021 cho thấy Công ty quản lý và sử dụng hiệu quả Tài sản. Trong năm 2022, Công ty đẩy mạnh việc thanh toán online và có biện pháp thu hồi các khoản nợ tồn đọng, từ đó làm tăng vòng quay khoản phải thu.

Khả năng sinh lời: Hầu hết chỉ số tiếp tục được duy trì ở mức cao và tăng trưởng so với năm trước. Hệ số lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế so với doanh thu thuần tiếp tục tăng so với năm 2021.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TÓM TẮT TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2022

Trong nước, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương theo dõi sát sao tình hình, sự thay đổi chính sách của các nước cũng như biến động chung của thế giới để kịp thời ban hành các chính sách tiền tệ, tài khóa và các giải pháp vĩ mô phù hợp. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2022 ước tính tăng 8,02% so với năm trước, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022 do nền kinh tế khôi phục trở lại sau đại dịch Covid-19.

Năm 2022 là năm các xu hướng công nghệ được ứng dụng và phát triển mạnh mẽ với trí tuệ nhân tạo, BigData, AI và Blockchain. Cuộc Cách mạng chuyển đổi số đã làm thay đổi cuộc sống và là mục tiêu hàng đầu của các Doanh nghiệp Việt Nam nhằm nâng cao việc quản lý, điều hành cũng như tạo ra nhiều giá trị cốt lõi cho xã hội.

Doanh thu hoạt động viễn thông năm 2022 ước đạt 333,9 nghìn tỷ đồng, tăng 6,7% so với năm trước (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,6%). Tại thời điểm cuối tháng 12/2022, tổng số thuê bao điện thoại ước đạt 129,7 triệu thuê bao, tăng 3,1% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó số thuê bao di động là 127,2 triệu thuê bao, tăng 3,7%; số thuê bao truy cập internet băng rộng cố định ước đạt 21 triệu thuê bao, tăng 8,6%.

Nắm bắt xu thế công nghệ chung, đội ngũ Ban lãnh đạo FPT Telecom cùng toàn thể cán bộ nhân viên, dưới sự đồng hành của HĐQT đã thực hiện đẩy mạnh công nghệ số hóa, triển khai xây dựng hạ tầng, mở rộng băng thông, cải thiện chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng. Nhờ vậy Doanh thu thuần năm 2022 của toàn Công ty đạt 14.730 tỷ đồng, đạt 101,2% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế của toàn Công ty đạt 2.818 tỷ đồng, tăng trưởng 17,6% so với năm 2021 và hoàn thành 100,2% kế hoạch đề ra. Các mảng kinh doanh vẫn giữ được sự tăng trưởng, cụ thể: doanh thu dịch vụ viễn thông cho khách hàng tổ chức (kênh thuê riêng, thoại trong nước, cho thuê máy chủ và chỗ đặt máy chủ,...) tăng trưởng 15,6% và hoàn thành 101,2% kế hoạch đặt ra; doanh thu dịch vụ truyền hình trả tiền tăng trưởng 25,9% so với năm 2021 và hoàn thành 100,7% chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Kinh tế – xã hội Việt Nam trong năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

KẾ HOẠCH NĂM 2023








KẾ HOẠCH KINH DOANH

Mặc dù dự báo kinh doanh năm 2023 sẽ là năm khó khăn khi suy thoái diễn ra trên toàn thế giới nhưng FPT Telecom tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng 2 chữ số, cụ thể mục tiêu doanh thu là 16.730 tỷ đồng, tăng trưởng 13,6% so với năm 2022 (trong đó doanh thu từ dịch vụ viễn thông là 15.800 tỷ đồng, tăng trưởng 13,1% và doanh thu từ dịch vụ nội dung số là 940 tỷ đồng, tăng trưởng 22,8%). Kế hoạch lợi nhuận trước thuế của Công ty là 3.230 tỷ đồng, tăng trưởng 14,6% so với năm 2022.

Với chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm, FPT Telecom tiếp tục đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ để đưa ra các sản phẩm sáng tạo, nâng cao trải nghiệm cho khách hàng, tối ưu hóa chi phí cho doanh nghiệp. Mục tiêu để công ty đạt được lượng khách hàng bền vững hàng năm và duy trì mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định trong các năm tiếp theo.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Để đáp ứng mục tiêu tăng trưởng cao trong những năm tới, hoạt động đầu tư của FPT Telecom trong năm 2023 tập trung vào các hoạt động chính sau:

-  Tiến hành việc hoàn thiện giai đoạn 1 của trung tâm dữ liệu tại Quận 9 – Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Hoàn thành đầu tư giai đoạn 3 tại 2 trung tâm dữ liệu ở Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
-  Tiếp tục tìm kiếm và lên phương án cho các dự án trung tâm dữ liệu khác để đảm bảo đủ cơ sở hạ tầng cho nhu cầu dữ liệu tăng nhanh tại Việt Nam.
-  Tiếp tục tìm kiếm và lên phương án cho các tuyến cáp quốc tế khác để đảm bảo lợi thế cạnh tranh và chất lượng DVKH trong tương lai.
-  Khởi công dự án xây dựng tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower tại Khu chế xuất Tân Thuận, Tp HCM để đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng về văn phòng làm việc.
-  Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm ứng dụng cơ sở dữ liệu và các công nghệ liên quan đến Internet để gia tăng giá trị gia tăng cho các dịch vụ của công ty.
-  Đầu tư về nội dung với trọng tâm là giải đấu Vleague, xây dựng các hệ sinh thái liên quan đến nội dung để cung cấp cho khách hàng và đối tác những dịch vụ tối ưu nhất.
-  Về nguồn lực nhân sự, FPT Telecom tiếp tục cải thiện chất lượng nguồn nhân lực và dự kiến đến cuối năm 2023 số lượng nhân sự của công ty đạt khoảng 11.000 người.

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Hoàng Nam Tiến	Chủ tịch HĐQT	03/03/2020	4	100%
2	Ông Trương Gia Bình	Thành viên HĐQT	28/03/2018	4	100%
3	Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên HĐQT	28/03/2018	4	100%
4	Bà Chu Thị Thanh Hà	Thành viên HĐQT	28/03/2018	4	100%
5	Bà Lê Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT	28/03/2018	4	100%
6	Ông Nguyễn Hoàng Quyền	Thành viên HĐQT	20/04/2022	4	100%

Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện họp và quyết định những vấn đề chính sau:

- ✓ Thông qua phương án xử lý cổ phiếu quỹ và mua lại cổ phiếu cổ đông nước ngoài.
- ✓ Thông qua kế hoạch SXKD Quý IV/2021 và năm 2021, phương án phân phối lợi nhuận 2021, kế hoạch kinh doanh 2022 và một số nội dung chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông 2022.
- ✓ Thông qua việc trả cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền mặt với mức 1.000 đồng/cổ phiếu.
- ✓ Thông qua kết quả kinh doanh Quý I/2022 và thông qua phương án thay thế người phụ trách quản trị Công ty và thư ký Công ty.
- ✓ Thông qua kết quả kinh doanh Quý II/2022 của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT.
- ✓ Thông qua quyết định đầu tư mua dung lượng dài hạn trên tuyến cáp quang biển South East Asia-Japan 2 (SJC2).
- ✓ Thông qua việc xử lý nợ khó đòi theo đề xuất của Ban Điều hành FPT Telecom, đề nghị Người đại diện có ý kiến với Hội đồng quản trị Công ty, nghiên cứu các phương án thu hồi công nợ và rà soát các căn cứ để thực hiện xử lý nợ phải thu khó đòi.
- ✓ Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền mặt với mức 1.000 đồng/cổ phiếu.
- ✓ Thông qua điều chỉnh kế hoạch tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022.
- ✓ Thông qua việc miễn nhiệm Kế toán trưởng hiện tại và bổ nhiệm Kế toán trưởng mới.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

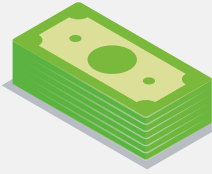
Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, chứng từ, tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố thông tin theo quy định, cụ thể:

- ✔ Kiểm soát xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ công ty.
- ✔ Kiểm soát việc xây dựng kế hoạch và phân phối lợi nhuận năm 2022.
- ✔ Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị về việc thành lập, tổ chức lại các chi nhánh Công ty.
- ✔ Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị về việc kế hoạch phân chia lợi nhuận để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.
- ✔ Tham gia các buổi làm việc của Ban Lãnh đạo Công ty về kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện.
- ✔ Xem xét các báo cáo kinh doanh do Ban Tổng Giám đốc và Ban Kế hoạch Tài chính chuẩn bị.



QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TIN CỔ PHIẾU



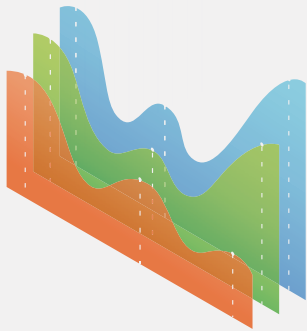
SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ PHÁT HÀNH
328.339.538 cổ phiếu



MỆNH GIÁ CỔ PHIẾU
10.000 đồng/cổ phiếu



VỐN ĐIỀU LỆ
3.283.395.380.000 đồng



CỔ PHIẾU THƯỜNG
328.339.538 cổ phiếu



SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH
328.339.538 cổ phiếu

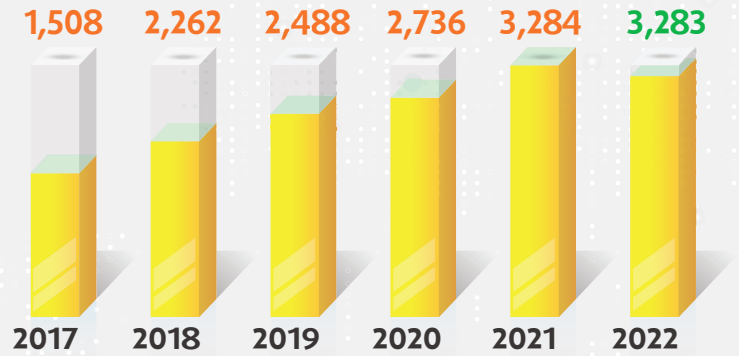
STT	Thành viên HĐQT	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	164.742.021	50,17%
2	Công ty cổ phần FPT	149.907.458	45,66%
3	Các cổ đông khác	13.690.059	4,17%
	TỔNG CỘNG	328.339.538	100%

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ năm 2022 giảm nhẹ 0,01% so với năm 2021 do Công ty thực hiện hủy toàn bộ số cổ phiếu quỹ của năm 2021. Tỷ lệ tăng trưởng vốn điều lệ bình quân 5 năm là 16,8%.

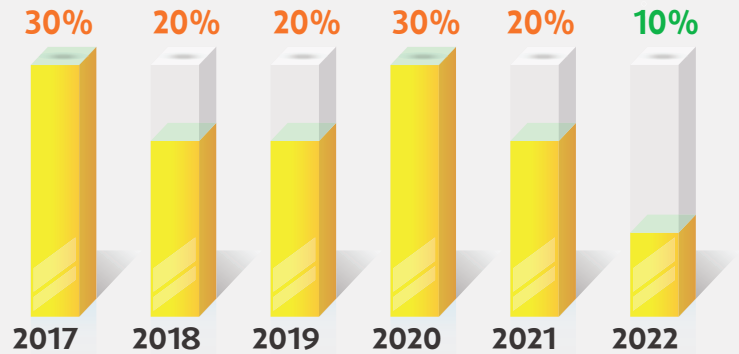


GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2022, Công ty thực hiện hủy 30.015 cổ phiếu quỹ theo Công văn số 314/QĐ-SGDHN ngày 16/05/2022 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội về việc thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT.

CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT

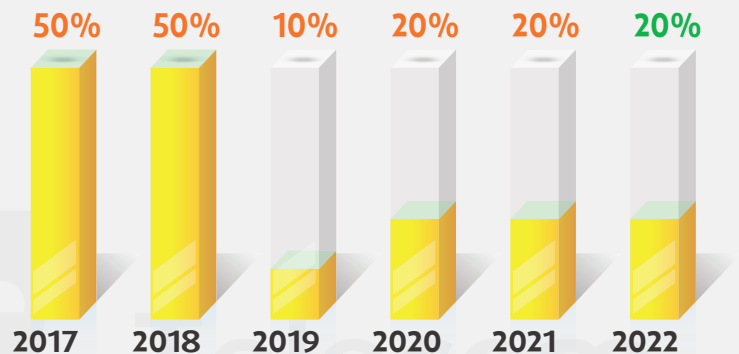
Tỷ lệ cổ tức tạm ứng bằng tiền mặt đợt 1 năm 2022 là 1.000 đồng/cổ phiếu.



CỔ TỨC BẰNG CỔ PHIẾU

Công ty dự kiến chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2022 là 20%.

Quyết định chi trả cổ tức bằng cổ phiếu sẽ được trình và xin ý kiến tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hơn 25 năm phát triển, FPT Telecom là một trong những đơn vị Viễn thông dẫn đầu, tiên phong đổi mới mang chất lượng dịch vụ tốt nhất đến cho Khách hàng, và là nhà mạng được yêu thích và tin dùng tại Việt Nam. Với đội ngũ nhiệt huyết, năng động sáng tạo, FPT Telecom luôn sẵn sàng ứng biến với cuộc chơi mới và nhanh chóng thích nghi với những thay đổi về công nghệ theo xu thế thế giới. Tuy nhiên, trong suốt hành trình đó, yếu tố bền vững luôn được coi trọng trong tất cả mọi hoạt động của công ty. Toàn bộ chuỗi giá trị từ đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh và các yếu tố đầu ra đều được FPT Telecom xem xét trên ba khía cạnh: Môi trường – Xã hội – Phát triển nguồn lực.



TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG

FPT Telecom luôn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường và đề cao ý thức bảo vệ môi trường trong tất cả mọi hoạt động. Tại toàn bộ các cơ sở, chi nhánh, FPT Telecom luôn kiểm soát mức tiêu thụ năng lượng đồng thời triển khai các sáng kiến, chương trình, hướng dẫn các phòng ban sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Với định hướng xây dựng và phát triển các Trung tâm dữ liệu (Data Center) theo tiêu chuẩn quốc tế, FPT Telecom luôn ưu tiên lựa chọn những thiết bị có hiệu suất cao, các hệ thống tính toán, quản lý năng lượng tự động, giúp khả năng vận hành và tuổi thọ thiết bị luôn ở mức cao nhất với năng lượng tiêu thụ tối ưu nhất - Tiêu biểu là Trung tâm dữ liệu FPT Fornix (đơn vị được xây dựng theo tiêu chuẩn Up-time Tier III Constructed Facility - chứng chỉ khắt khe dành cho Data Center và từng đạt danh hiệu “Công trình xây dựng sử dụng năng lượng xanh 5 sao”).

Ngoài ra, FPT Telecom cũng đang nghiên cứu xây dựng các Trung tâm dữ liệu mới tại những khu vực có nguồn năng lượng tự nhiên, tái tạo nhằm giảm thiểu tác động tới môi trường.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn nhân lực là chìa khóa dẫn đến thành công của mỗi tổ chức, doanh nghiệp. Trong đó, chất lượng nguồn nhân lực chính là lợi thế cạnh tranh mạnh nhất. Nắm được yếu tố then chốt đó, FPT Telecom luôn tập trung và không ngừng phát triển nguồn lực, tạo môi trường làm việc hấp dẫn, thu hút nhân tài.



FPT Telecom tìm kiếm và tạo nguồn tuyển dụng đối với sinh viên công nghệ ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường qua các chương trình như “Sinh viên Công nghệ tập sự”, “Nhà lãnh đạo tương lai”.

Bên cạnh đó, đối với nhân sự ngay từ buổi đầu nhận việc sẽ được tham gia chương trình “Day One” mang đến những trải nghiệm thú vị cho tân binh nhà FPT Telecom. Dự án “Tour thực tế ảo” cũng đang gấp rút hoàn thiện để tạo điểm nhấn tuyệt vời trong hành trang gia nhập đội ngũ nhân sự FPT Telecom.

Ngoài các chính sách phúc lợi hấp dẫn FPT Telecom cũng tổ chức nhiều hoạt động chăm sóc sức khỏe thể chất như các giải chạy nội bộ, duy trì câu lạc bộ, giải thi đấu thể thao, chương trình kết nối “Bạn muốn hẹn hò nơi công sở”, ... tạo sự gắn kết giữa CBNV và công ty.

Các chương trình đào tạo đa dạng, bổ ích với mô hình học tập và đào tạo trọn đời với nền tảng công nghệ hỗ trợ giúp CBNV nhìn thấy được sự phát triển của bản thân khi gắn bó và thấy tương lai và tầm nhìn của công ty.

Từ tất cả các hoạt động đó, nhằm một mục đích duy nhất đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nhân tài, luôn sẵn lực lượng cán bộ kế cận phục vụ phát triển, mở rộng kinh doanh bền vững cho công ty.

25 NGÀY

Thực Mạng Yêu Thương



CÁC HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO TIÊU BIỂU

HOẠT ĐỘNG CHẠY/ĐI BỘ VÌ CỘNG ĐỒNG FoxSteps 2 – 25 Ngày Thực Mạng Yêu Thương đạt 534,350Km và đóng góp hơn 700 triệu đồng mua trang thiết bị phòng LAB tặng học sinh trường Hy Vọng FPT Đà Nẵng.

CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC MÁT 2022: Với sự tham gia của tất cả các chi nhánh FPT Telecom trên toàn quốc.

CHƯƠNG TRÌNH FOXERS SIÊU ĐẲNG: Vinh danh 488 Foxer có thành tích xuất sắc nhất trong các lĩnh vực.

CUỘC THI NỤ CƯỜI FTEL đã trao 81 giải thưởng tới CBNV công ty, lan tỏa hình ảnh hạnh phúc của CBNV.

CHƯƠNG TRÌNH “BÁN HÀNG TOÀN DÂN”: Thúc đẩy sự tham gia bán hàng của mỗi cá nhân ở mọi bộ phận trong công ty.



HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

Năm 2022 dù gặp nhiều khó khăn nhưng FPT Telecom vẫn triển khai nhiều hoạt động vì cộng đồng thúc đẩy sự tham gia của CBNV công ty, đóng góp giá trị cộng đồng cho xã hội.



Quý chung tay Đồng đội FPT Telecom hỗ trợ được 121 trường hợp với số tiền đã chi là 362.482.000 VNĐ, trong đó, năm 2022 đã hỗ trợ 25 trường hợp tổng tiền hỗ trợ 304.840.000 VNĐ cho CBNV bị tai nạn, tử vong, CBNV hoặc con bị bệnh nghiêm trọng.

Dự án Sách trong tim với hơn 2.400 đầu sách được trao tặng và chuyển về trường HOPE.

Hành trình "Chắp Cánh Ước Mơ" cho các em nhỏ tại Cần Thơ, trao tặng 2 cây cầu 176 và 186 mang niềm vui đến với thầy cô và 380 em học sinh tại trường Thạnh Quới 2 tại điểm kênh H.

Tặng trang thiết bị máy tính học tập cho các em học sinh tại Trường PTDT Nội trú Vị Xuyên, Hà Giang trong những ngày đầu khai giảng năm học mới 2022 - 2023.

Tổ chức sự kiện cho các dịp đặc biệt như Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Ngày Thương binh liệt sĩ 27/7, Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 và Men's day 11/11.

FPT
Telecom

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG FPT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp** Số 0101778163 ngày 28 tháng 7 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2005. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 30) được cấp ngày 23 tháng 5 năm 2022.

Hội đồng Quản trị	Ông Hoàng Nam Tiến	Chủ tịch
	Ông Trương Gia Bình	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên
	Bà Chu Thị Thanh Hà	Thành viên
	Bà Lê Ngọc Diệp	Thành viên
	Ông Nguyễn Hoàng Quyền	Thành viên (từ ngày 20 tháng 4 năm 2022)
	Ông Phạm Công Minh	Thành viên (cho đến ngày 20 tháng 4 năm 2022)
Ban Kiểm soát	Ông Trần Khương	Trưởng ban
	Ông Đỗ Xuân Phúc	Thành viên
	Ông Phạm Xuân Hoàn	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Hoàng Việt Anh	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Vũ Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Hùng Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Hoàng Nam Tiến	Chủ tịch
	Ông Hoàng Việt Anh	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Số 17 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Công ty và các công ty con hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty và các công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và các công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 43. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Anh
Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2023



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT ("Công ty") và các công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 13 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

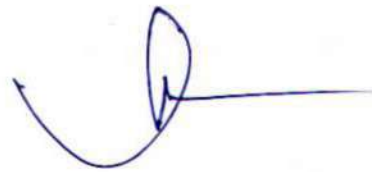
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Viêt Hùng Trân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
0048-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 3256
Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023



Trần Khắc Thế
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
2043-2023-006-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.099.244.269.282	13.672.033.834.001
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.418.670.415.325	374.929.561.927
111	Tiền		226.703.212.028	101.868.718.688
112	Các khoản tương đương tiền		1.191.967.203.297	273.060.843.239
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		5.856.787.648.379	11.238.439.412.400
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	5.856.787.648.379	11.238.439.412.400
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.357.716.256.717	1.208.969.329.415
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.600.426.459.013	1.391.016.112.013
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		75.567.434.032	39.888.170.930
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	130.878.502.753	165.646.293.645
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(449.156.139.081)	(387.581.247.173)
140	Hàng tồn kho	8	1.117.620.653.980	689.688.421.234
141	Hàng tồn kho		1.152.953.245.195	744.295.562.176
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(35.332.591.215)	(54.607.140.942)
150	Tài sản ngắn hạn khác		348.449.294.881	160.007.109.025
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	162.316.511.752	127.113.764.629
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		25.763.117.347	23.231.959.636
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14(a)	160.369.665.782	9.661.384.760
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		8.326.319.345.943	7.377.374.332.375
210	Các khoản phải thu dài hạn		35.094.259.284	34.079.359.935
216	Phải thu dài hạn khác		35.094.259.284	36.436.051.116
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(2.356.691.181)
220	Tài sản cố định		5.610.369.821.803	4.907.968.495.872
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	4.994.560.213.579	4.295.483.183.177
222	Nguyên giá		11.206.151.632.037	9.511.150.236.538
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(6.211.591.418.458)	(5.215.667.053.361)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	615.809.608.224	612.485.312.695
228	Nguyên giá		1.100.766.918.579	1.017.829.221.521
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(484.957.310.355)	(405.343.908.826)
240	Tài sản dở dang dài hạn		359.405.443.556	480.691.804.821
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	359.405.443.556	480.691.804.821
250	Đầu tư tài chính dài hạn		6.200.000.000	6.200.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	9.684.980.000	9.684.980.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(3.684.980.000)	(3.684.980.000)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	200.000.000	200.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		2.315.249.821.300	1.948.434.671.747
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	2.314.717.115.919	1.942.729.120.740
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12	532.705.381	5.705.551.007
270	TỔNG TÀI SẢN		18.425.563.615.225	21.049.408.166.376

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 43 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		10.505.861.380.737	14.760.409.865.663
310	Nợ ngắn hạn		10.426.642.949.150	13.967.863.132.318
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.576.590.188.554	1.380.314.651.103
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		67.889.459.376	130.988.516.301
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14(b)	40.968.138.219	143.764.261.715
314	Phải trả người lao động		1.330.921.896.716	1.166.920.110.832
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	157.786.124.942	202.368.757.000
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16(a)	1.550.636.330.115	1.380.469.481.129
319	Phải trả ngắn hạn khác	17	211.357.966.705	202.134.706.538
320	Vay ngắn hạn	18(a)	5.140.502.023.623	9.072.615.283.911
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	349.990.820.900	288.287.363.789
330	Nợ dài hạn		79.218.431.587	792.546.733.345
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16(b)	36.980.826.995	40.873.965.655
337	Phải trả dài hạn khác		2.027.900.000	6.989.289.928
338	Vay dài hạn	18(b)	39.991.556.359	744.673.229.286
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	12	218.148.233	10.248.476
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.919.702.234.488	6.288.998.300.713
410	Vốn chủ sở hữu	20,21	7.919.702.234.488	6.288.998.300.713
411	Vốn góp của chủ sở hữu		3.283.395.380.000	3.283.695.530.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.283.395.380.000	3.283.695.530.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	-	20.462.758.273
414	Vốn khác của chủ sở hữu	21	55.391.600.000	55.391.600.000
415	Cổ phiếu quỹ	21	-	(300.150.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	1.424.495.512.206	824.773.364.467
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	2.840.418.455.303	1.821.722.332.329
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		1.227.197.381.689	532.918.986.128
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		1.613.221.073.614	1.288.803.346.201
429	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	21	316.001.286.979	283.252.865.644
440	TỔNG NGUỒN VỐN		18.425.563.615.225	21.049.408.166.376



Nguyễn Thị Hồng
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Hoàng Việt Anh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 13 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 43 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.742.968.556.612	12.698.133.981.339
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	13.319.617.032	11.717.730.878
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	14.729.648.939.580	12.686.416.250.461
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	7.502.502.446.129	6.598.135.450.543
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	7.227.146.493.451	6.088.280.799.918
21	Doanh thu hoạt động tài chính	733.380.563.035	496.205.208.929
22	Chi phí tài chính	441.796.360.418	300.744.727.104
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	335.197.364.380	220.614.607.102
25	Chi phí bán hàng	2.185.337.286.613	1.884.539.198.503
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.500.738.333.981	2.009.848.282.131
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	2.832.655.075.474	2.389.353.801.109
31	Thu nhập khác	15.704.468.707	14.836.952.588
32	Chi phí khác	30.762.877.405	9.260.977.910
40	(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(15.058.408.698)	5.575.974.678
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	2.817.596.666.776	2.394.929.775.787
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	553.870.253.638	458.846.923.319
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.380.745.383	20.245.216.434
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	2.258.345.667.755	1.915.837.636.034
	Phân bổ cho:		
61	Cổ đông của công ty mẹ	2.150.756.824.672	1.820.124.198.555
62	Cổ đông không kiểm soát	107.588.843.083	95.713.437.479
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.870	4.926
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.870	4.926

Nguyễn Thị Hồng
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Hoàng Việt Anh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 13 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 43 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.817.596.666.776	2.394.929.775.787
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	1.173.650.989.196	1.130.395.527.744
03	Các khoản dự phòng	48.012.469.300	42.764.311.190
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(19.089.484.079)	32.710.838.843
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(675.581.537.651)	(451.246.191.542)
06	Chi phí lãi vay	335.197.364.380	220.614.607.102
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	3.679.786.467.922	3.370.168.869.124
09	Tăng các khoản phải thu	(337.014.494.518)	(195.946.306.690)
10	Tăng hàng tồn kho	(408.657.683.019)	(46.681.784.461)
11	Tăng các khoản phải trả	378.115.287.314	267.553.912.514
12	Tăng chi phí trả trước	(407.190.742.302)	(163.800.101.791)
14	Tiền lãi vay đã trả	(322.959.840.797)	(207.449.283.488)
15	Thuế TNDN đã nộp	(687.361.115.082)	(512.008.960.980)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	100.000.000	380.000.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(172.558.867.265)	(188.234.523.914)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.722.259.012.253	2.323.981.820.314
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.784.357.063.287)	(1.317.869.922.328)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	695.455.501	972.727.280
23	Tiền chi cho vay	(15.708.007.949.001)	(17.751.319.095.049)
24	Tiền thu hồi cho vay	21.089.659.713.022	13.121.437.050.991
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	737.645.144.718	387.107.142.097
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	4.335.635.300.953	(5.559.672.097.009)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu đi vay	11.276.674.453.680	12.492.358.508.370
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(15.901.359.188.948)	(8.470.024.023.558)
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(392.367.226.950)	(1.035.376.187.700)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(5.017.051.962.218)	2.986.958.297.112
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.040.842.350.988	(248.731.979.583)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	374.929.561.927	630.611.012.001
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	2.898.502.410	(6.949.470.491)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	1.418.670.415.325	374.929.561.927

Nguyễn Thị Hồng
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Hoàng Việt Anh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 13 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 43 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103008784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2005. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101778163 thay đổi lần gần nhất (lần thứ 30) được cấp ngày 23 tháng 5 năm 2022.

Từ ngày 13 tháng 1 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sàn giao dịch chứng khoán UpCom với mã giao dịch cổ phiếu là FOX.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là cung cấp các dịch vụ Internet, dịch vụ truyền hình trả tiền, dịch vụ cho thuê đường truyền, dịch vụ lưu trữ dữ liệu và các dịch vụ viễn thông khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 5 công ty con trực thuộc như sau (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 5 công ty con trực thuộc):

Công ty	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tại ngày 31/12/2022 và 31/12/2021	
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1) Công ty CP Dịch vụ Trực tuyến FPT (FOC) (*)	Cung cấp dịch vụ Game online, báo điện tử, thanh toán điện tử	Lô 29B – 31B – 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	56,51%	56,51%
2) Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận (CTTT)	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác	Lô 29B – 31B – 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%
3) Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT (FTI)	Cung cấp dịch vụ internet, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác	Lô 29B – 31B – 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%
4) Công ty CP Công nghệ Viễn thông FPT (FCN)	Cung cấp các dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác	Lô T2-5 Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%
5) Công ty TNHH Truyền hình FPT (FPL)	Cung cấp các dịch vụ truyền hình	124 Đường Sương Nguyệt Ánh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, FOC có 1 công ty con trực thuộc là Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết là 60% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 60%). Hoạt động chính của công ty con này là phân phối thẻ game, thẻ viễn thông trả trước. Công ty con này thành lập, đăng ký hoạt động tại 357 Phố Thống Nhất, Thị trấn Me, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty và các công ty con có 9.130 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 9.859 nhân viên).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính****Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty với nhau được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên thứ ba.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.9 Đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Công ty và các công ty con thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.9 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 25 năm
Máy móc thiết bị	3 – 15 năm
Thiết bị quản lý	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	3 – 8 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Giấy phép bản quyền và quyền khai thác là quyền khai thác các tuyến cáp quốc tế và được phân bổ vào chi phí theo thời hạn ghi trên giấy phép và hợp đồng quyền khai thác.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm các chi phí triển khai dịch vụ cho thuê bao mới. Các chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Chi phí vật tư triển khai dịch vụ internet	2,5 năm
Chi phí vật tư triển khai dịch vụ truyền hình	2 năm
Chi phí dịch vụ thuê ngoài triển khai dịch vụ	2 năm

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty và các công ty con xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.16 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty và các công ty con đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty và các công ty con trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty và các công ty con chi trả trợ cấp thôi việc. Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Công ty và các công ty con không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Công ty và các công ty con ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính khi thực trả trợ cấp thôi việc cho người lao động.

2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản khách hàng trả trước tiền cước dịch vụ viễn thông trong nhiều kỳ tính cước. Công ty và các công ty con ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty và các công ty con sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ kế toán tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.19 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo, chủ yếu liên quan đến hạch toán kế toán đối với cổ tức bằng cổ phiếu nhận được từ các công ty con.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty và các công ty con tại thời điểm báo cáo.

2.20 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả tại ngày chốt quyền của cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các nhà cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và các công ty con và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để cung cấp nguồn vốn cho các dự án phát triển của Công ty và các công ty con.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và các công ty con và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, cải thiện và nâng cao đời sống người lao động.

2.21 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty và các công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty và các công ty con sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.22 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán trong năm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.24 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái và chi phí lãi vay.

2.25 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của Công ty và các công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty và các công ty con.

2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân là các bên liên quan của Công ty và các công ty con khi trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty và các công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty và các công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty và các công ty con, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết và các công ty con trong cùng tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty và các công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty và các công ty con, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty và các công ty con căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.30 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Ước tính dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.7 và 7);
- Ước tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 2.8 và 8); và
- Ước tính thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ (Thuyết minh 2.10 và 10); và
- Ước tính chi phí thuế TNDN (Thuyết minh 30).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2022 VND	2021 VND
Tiền mặt	104.422.460	71.762.880
Tiền gửi ngân hàng	226.598.789.568	101.744.955.808
Các khoản tương đương tiền (*)	1.191.967.203.297	273.060.843.239
Tiền đang chuyển	-	52.000.000
	<u>1.418.670.415.325</u>	<u>374.929.561.927</u>

- (*) Các khoản tương đương tiền chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Lãi suất các khoản tiền gửi được quy định cụ thể cho từng hợp đồng tiền gửi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

Mẫu số B 09 – DN/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	5.854.787.648.379	5.854.787.648.379	11.236.439.412.400	11.236.439.412.400
Khác	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	<u>5.856.787.648.379</u>	<u>5.856.787.648.379</u>	<u>11.238.439.412.400</u>	<u>11.238.439.412.400</u>
ii. Dài hạn				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
	<u>200.000.000</u>	<u>200.000.000</u>	<u>200.000.000</u>	<u>200.000.000</u>

(*) Đây là khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 và dưới 12 tháng. Lãi suất các khoản tiền gửi được quy định cụ thể cho từng hợp đồng tiền gửi.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Sen Đỏ	3.684.980.000	(*) (3.684.980.000)	3.684.980.000	(*) (3.684.980.000)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	(*)
Đầu tư FPT	9.684.980.000	(*) (3.684.980.000)	9.684.980.000	(*) (3.684.980.000)
	<u>19.369.960.000</u>	<u>(*) (7.369.960.000)</u>	<u>19.369.960.000</u>	<u>(*) (7.369.960.000)</u>

(*) Trình bày giá trị hợp lý: Do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn cụ thể về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá cho các khoản đầu tư tài chính không có giá niêm yết trên thị trường. Do vậy, Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba (*)	1.579.606.049.081	1.362.322.621.100
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	20.820.409.932	28.693.490.913
	<u>1.600.426.459.013</u>	<u>1.391.016.112.013</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi	109.845.013.784	143.012.966.927
Khác	21.033.488.969	22.633.326.718
	<u>130.878.502.753</u>	<u>165.646.293.645</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

7 NỢ KHÓ ĐÒI

	2022		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	488.205.444.387	39.049.305.306	449.156.139.081
	2021		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	416.806.890.883	29.225.643.710	387.581.247.173

8 HÀNG TỒN KHO

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	88.839.497.430	-	84.478.392.863	-
Nguyên vật liệu	836.100.716.877	(35.332.591.215)	518.505.745.054	(54.607.140.942)
Công cụ, dụng cụ	76.960.681.374	-	40.213.905.530	-
Hàng hóa	151.052.349.514	-	101.097.518.729	-
	1.152.953.245.195	(35.332.591.215)	744.295.562.176	(54.607.140.942)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(35.332.591.215)		(54.607.140.942)	
	1.117.620.653.980		689.688.421.234	

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	54.607.140.942	69.717.642.107
Hoàn nhập dự phòng	(19.274.549.727)	(15.110.501.165)
Số dư cuối năm	35.332.591.215	54.607.140.942

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí thuê (bản quyền, văn phòng, kênh, đường truyền, cáp quang)	104.903.018.372	61.172.801.493
Khác	57.413.493.380	65.940.963.136
	<u>162.316.511.752</u>	<u>127.113.764.629</u>

(b) Dài hạn

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí triển khai dịch vụ cho thuê bao mới (*)	1.702.047.122.673	1.398.739.456.211
Chi phí thuê văn phòng	303.176.777.899	312.726.774.761
Khác	309.493.215.347	231.262.889.768
	<u>2.314.717.115.919</u>	<u>1.942.729.120.740</u>

(*) Chi phí triển khai dịch vụ cho thuê bao mới bao gồm các chi phí thiết bị, vật tư, chi phí nhân công thuê ngoài để lắp đặt, triển khai dịch vụ internet, dịch vụ truyền hình cho khách hàng mới. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh theo thời gian hữu dụng ước tính (Thuyết minh 2.12).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	205.505.794.518	9.098.458.105.002	188.459.858.111	18.726.478.907	9.511.150.236.538
Mua trong năm	6.869.545.152	549.352.171.873	9.933.237.877	1.169.950.000	567.324.904.902
Chuyển sang từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.258.110.091.426	-	-	1.258.110.091.426
Phân loại lại	(320.478)	519.909.702	(519.589.224)	-	-
Thanh lý, xóa sổ	-	(127.103.708.440)	(2.650.177.844)	(679.714.545)	(130.433.600.829)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	212.375.019.192	10.779.336.569.563	195.223.328.920	19.216.714.362	11.206.151.632.037
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	(66.668.104.984)	(4.967.144.577.995)	(169.295.342.305)	(12.559.028.077)	(5.215.667.053.361)
Khấu hao trong năm	(7.895.068.564)	(1.073.173.610.831)	(9.891.567.274)	(1.719.074.870)	(1.092.679.321.539)
Phân loại lại	41.600	(436.952.562)	436.910.962	-	-
Thanh lý, xóa sổ	-	93.494.273.553	2.580.968.344	679.714.545	96.754.956.442
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	(74.563.131.948)	(5.947.260.867.835)	(176.169.030.273)	(13.598.388.402)	(6.211.591.418.458)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	138.837.689.534	4.131.313.527.007	19.164.515.806	6.167.450.830	4.295.483.183.177
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	137.811.887.244	4.832.075.701.728	19.054.298.647	5.618.325.960	4.994.560.213.579

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.152.981.662.304 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.473.762.048.043 Đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**
10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) (TIẾP THEO)**(b) TSCĐ vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Giấy phép bản quyền và quyền khai thác VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1.1.2022	132.327.252.689	751.983.829.995	133.518.138.837	1.017.829.221.521
Mua trong năm	31.230.898.724	1.943.717.135	51.121.347.327	84.295.963.186
Thanh lý, xóa sổ	-	-	(1.358.266.128)	(1.358.266.128)
Tại ngày 31.12.2022	163.558.151.413	753.927.547.130	183.281.220.036	1.100.766.918.579
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1.1.2022	-	(323.532.470.434)	(81.811.438.392)	(405.343.908.826)
Khấu hao trong năm	-	(53.061.449.800)	(27.910.217.857)	(80.971.667.657)
Thanh lý, xóa sổ	-	-	1.358.266.128	1.358.266.128
Tại ngày 31.12.2022	-	(376.593.920.234)	(108.363.390.121)	(484.957.310.355)
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1.1.2022	132.327.252.689	428.451.359.561	51.706.700.445	612.485.312.695
Tại ngày 31.12.2022	163.558.151.413	377.333.626.896	74.917.829.915	615.809.608.224

Giấy phép bản quyền và quyền khai thác là quyền khai thác các tuyến cáp quốc tế và được phân bổ vào chi phí theo thời hạn ghi trên giấy phép và hợp đồng quyền khai thác (Thuyết minh 2.10).

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 64.863.498.138 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 58.653.422.216 Đồng).

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	2022 VND	2021 VND
Trung tâm dữ liệu FPT Telecom Tân Thuận	234.304.468	5.797.436.129
Trung tâm dữ liệu Quận 9	177.411.715.340	155.530.187.879
Hệ thống trục Bắc Nam	39.830.766.443	24.160.687.551
Công trình FPT Telecom Tower Quận 7	3.992.511.537	8.000.000
Các công trình hạ tầng viễn thông (*)	137.936.145.768	295.195.493.262
	359.405.443.556	480.691.804.821

(*) Bao gồm chủ yếu trong khoản mục này là các máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư đang trong quá trình triển khai, lắp đặt để hình thành các trạm viễn thông và các công trình hạ tầng viễn thông khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

12 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế. Chi tiết như sau:

	2022 VND	2021 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	532.705.381	5.705.551.007
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(218.148.233)	(10.248.476)

Biến động gộp về thuế TNDN hoãn lại, không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Số dư đầu năm	5.705.551.007	29.519.994.930
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 30)	(5.172.845.626)	(23.814.443.923)
Số dư cuối năm	532.705.381	5.705.551.007
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	(10.248.476)	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 30)	(207.899.757)	(10.248.476)
Số dư cuối năm	(218.148.233)	(10.248.476)

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẢN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba	1.420.493.283.339	1.327.892.965.934
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Viễn thông Tin học Sun Việt	118.611.457.800	189.477.547.500
- Khác	1.301.881.825.539	1.138.415.418.434
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	156.096.905.215	52.421.685.169
	1.576.590.188.554	1.380.314.651.103

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

Mẫu số B 09 – DN/HN

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nợ Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Số phải thu trong năm VND	Cán trừ trong năm VND	Số đã thực thu trong năm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
(a) Phải thu					
Thuế TNDN	9.444.092.790	72.166.759.453	(9.444.092.790)	-	72.166.759.453
Thuế thu nhập cá nhân	217.291.970	38.109.531.179	(361.146.883)	-	37.965.676.266
Thuế GTGT	-	47.871.244.756	-	-	47.871.244.756
Thuế khác	-	2.365.985.307	-	-	2.365.985.307
	<u>9.661.384.760</u>	<u>160.513.520.695</u>	<u>(9.805.239.673)</u>	<u>-</u>	<u>160.369.665.782</u>
(b) Phải nộp					
Thuế GTGT đầu ra	48.011.076.499	2.227.784.257.984	(1.611.503.362.844)	(646.105.513.877)	18.186.457.762
Thuế GTGT đầu ra hàng nhập khẩu	24.991	184.114.321.155	-	(184.114.346.146)	-
Thuế TNDN	85.646.758.553	553.870.253.638	(9.444.092.790)	(615.194.355.629)	14.878.563.772
Thuế nhà thầu	2.838.095.093	71.064.255.448	-	(71.696.655.959)	2.205.694.582
Thuế thu nhập cá nhân	7.268.056.668	236.749.762.084	(361.146.883)	(237.959.249.766)	5.697.422.103
Thuế nhập khẩu	249.911	197.019.141	-	(197.269.052)	-
Thuế khác	-	941.096.819	-	(941.096.819)	-
	<u>143.764.261.715</u>	<u>3.274.720.966.269</u>	<u>(1.621.308.602.517)</u>	<u>(1.756.208.487.248)</u>	<u>40.968.138.219</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	88.184.202.440	76.407.966.009
Khác (*)	69.601.922.502	125.960.790.991
	<u>157.786.124.942</u>	<u>202.368.757.000</u>

(*) Bao gồm chủ yếu trong khoản mục này là các khoản chi phí phải trả cho việc thuê kênh, thuê đường truyền, quỹ viễn thông công ích và các chi phí phải trả khác.

16 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

(a) Ngắn hạn

	2022 VND	2021 VND
Tiền trả trước của khách hàng cho dịch vụ viễn thông	1.548.863.526.027	1.377.808.677.041
Khác	1.772.804.088	2.660.804.088
	<u>1.550.636.330.115</u>	<u>1.380.469.481.129</u>

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Tiền trả trước của khách hàng cho dịch vụ viễn thông	5.513.554.636	7.633.889.103
Khác	31.467.272.359	33.240.076.552
	<u>36.980.826.995</u>	<u>40.873.965.655</u>

17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	2.049.141.272	2.020.158.874
Ký quỹ, ký cược	121.036.283.832	106.537.314.764
Khác	88.272.541.601	93.577.232.900
	<u>211.357.966.705</u>	<u>202.134.706.538</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG FPT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 VAY

(a) Vay ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	8.830.691.445.719	11.276.674.453.680	(15.645.236.839.024)	(12.110.197.947)	4.450.018.862.428
Nợ dài hạn ngân hàng đến hạn trả (**)	241.923.838.192	704.681.672.927	(256.122.349.924)	-	690.483.161.195
	<u>9.072.615.283.911</u>	<u>11.981.356.126.607</u>	<u>(15.901.359.188.948)</u>	<u>(12.110.197.947)</u>	<u>5.140.502.023.623</u>

(*) Bao gồm các khoản vay ngắn hạn không tài sản đảm bảo từ các ngân hàng nhằm bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Lãi suất các khoản vay được quy định cụ thể cho từng lần rút vốn trong khoảng từ 1,98%/năm đến 8%/năm (năm 2021: từ 1,8%/năm đến 4,6%/năm).

(b) Vay dài hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Vay dài hạn ngân hàng (**)	744.673.229.286	-	(704.681.672.927)	39.991.556.359

(**) Bao gồm các khoản vay dài không tài sản đảm bảo từ các ngân hàng nhằm bổ sung vốn hoạt động cho Công ty. Lãi suất các khoản vay được quy định cụ thể cho từng lần rút vốn trong khoảng từ 4,3%/năm đến 7,2%/năm (năm 2021: từ 4,3%/năm đến 7,2%/năm).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

18 VAY (TIẾP THEO)

Chi tiết các khoản vay theo nguyên tệ như sau:

	31.12.2022		31.12.2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	73.400.000	1.705.387.321.453	228.400.000	5.242.977.519.400
Đồng Việt Nam ("VND")	3.475.106.258.529	3.475.106.258.529	4.574.310.993.797	4.574.310.993.797
		<u>5.180.493.579.982</u>		<u>9.817.288.513.197</u>

Công ty đã thực hiện nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá (Hedging) đối với các khoản vay bằng ngoại tệ như sau:

Ngoại tệ	31.12.2022		31.12.2021	
	Số dư ngoại tệ	Số dư ngoại tệ đã được hedging	Số dư ngoại tệ	Số dư ngoại tệ đã được hedging
Đô la Mỹ ("USD")	<u>73.400.000</u>	<u>73.400.000</u>	<u>228.400.000</u>	<u>228.400.000</u>

19 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	288.287.363.789	263.738.730.099
Trích lập từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 21)	234.162.324.376	212.403.157.604
Sử dụng quỹ trong năm	(172.558.867.265)	(188.234.523.914)
Khác	100.000.000	380.000.000
Số dư cuối năm	<u>349.990.820.900</u>	<u>288.287.363.789</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2022	2021
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	328.339.538	328.369.553
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	30.015
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	328.339.538	328.339.538

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	164.742.021	50,17	164.742.021	50,17
Công ty Cổ phần FPT	149.907.458	45,66	149.907.458	45,65
Các cổ đông khác	13.690.059	4,17	13.690.059	4,17
	<u>328.339.538</u>	<u>100</u>	<u>328.339.538</u>	<u>99,99</u>
Cổ phiếu quỹ	-	-	30.015	0,01
	<u>328.339.538</u>	<u>100</u>	<u>328.369.553</u>	<u>100</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	2.736.464.610.000	20.462.758.273	55.391.600.000	(300.150.000)	824.773.364.467	1.082.212.906.804	359.250.621.166	5.078.255.710.710
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.820.124.198.555	95.713.437.479	1.915.837.636.034
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(328.339.538.000)	(160.203.740.000)	(488.543.278.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	547.230.920.000	-	-	-	-	(547.230.920.000)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(202.831.768.185)	(9.571.389.419)	(212.403.157.604)
Khác	-	-	-	-	-	(2.212.546.845)	(1.936.063.582)	(4.148.610.427)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	3.283.695.530.000	20.462.758.273	55.391.600.000	(300.150.000)	824.773.364.467	1.821.722.332.329	283.252.865.644	6.288.998.300.713
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	2.150.756.824.672	107.588.843.083	2.258.345.667.755
Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	-	-	(328.339.538.000)	(64.081.496.000)	(392.421.034.000)
Trích Quỹ đầu tư, phát triển (**)	-	-	-	-	599.722.147.739	(599.722.147.739)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	-	(223.403.402.056)	(10.758.922.320)	(234.162.324.376)
(Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	-	-	-
Hủy cổ phiếu quỹ	(300.150.000)	-	-	300.150.000	-	-	-	-
Khác	-	(20.462.758.273)	-	-	-	19.404.386.097	(3.428)	(1.058.375.604)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.283.395.380.000	-	55.391.600.000	-	1.424.495.512.206	2.840.418.455.303	316.001.286.979	7.919.702.234.488

(*) Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/FTEL ngày 20 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt phương án chi trả cổ tức bằng tiền là 2.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, Công ty đã tạm ứng đợt 1 là 1.000/cổ phiếu trong tháng 12 năm 2021.

(**) Quỹ đầu tư, phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty và các công ty con được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/FTEL ngày 20 tháng 4 năm 2022 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01-2022/FO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

22 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2022	2021
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	2.150.756.824.672	1.820.124.198.555
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(223.403.402.056)	(202.831.768.175)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.927.353.422.616	1.617.292.430.380
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	328.339.538	328.339.538
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	5.870	4.926

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu của Công ty bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu do Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

23 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 4.513.645 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.878.288 Đô la Mỹ).

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	2022 VND	2021 VND
Nợ khó đòi	181.571.217.916	173.352.943.517

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

24 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	1.084.124.299.609	897.904.625.893
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.658.844.257.003	11.800.229.355.446
	<u>14.742.968.556.612</u>	<u>12.698.133.981.339</u>
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	(1.146.299.000)	(48.948.000)
Chiết khấu thương mại và các khoản giảm trừ khác	(12.173.318.032)	(11.668.782.878)
	<u>(13.319.617.032)</u>	<u>(11.717.730.878)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về bán hàng	1.082.978.000.609	897.855.677.893
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	13.646.670.938.971	11.788.560.572.568
	<u>14.729.648.939.580</u>	<u>12.686.416.250.461</u>

25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	932.168.007.315	811.261.417.000
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.589.608.988.541	5.801.984.534.708
Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 8)	(19.274.549.727)	(15.110.501.165)
	<u>7.502.502.446.129</u>	<u>6.598.135.450.543</u>

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	704.477.191.575	445.640.323.653
Lãi chênh lệch tỷ giá	28.903.371.460	45.564.885.276
Cổ tức nhận được từ đầu tư vào các đơn vị khác	-	5.000.000.000
	<u>733.380.563.035</u>	<u>496.205.208.929</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	335.197.364.380	220.614.607.102
Lỗ chênh lệch tỷ giá	106.598.996.038	80.130.120.002
	<u>441.796.360.418</u>	<u>300.744.727.104</u>

28 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	1.601.599.728.207	1.485.799.317.670
Quảng cáo, tiếp thị	330.654.957.482	284.046.612.522
Khác	253.082.600.924	114.693.268.311
	<u>2.185.337.286.613</u>	<u>1.884.539.198.503</u>

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	1.765.436.361.471	1.482.404.386.717
Khác (*)	735.301.972.510	527.443.895.414
	<u>2.500.738.333.981</u>	<u>2.009.848.282.131</u>

(*) Bao gồm chủ yếu trong khoản mục này là chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dự phòng khoản phải thu khó đòi, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí quản lý doanh nghiệp khác. Không có khoản mục chi phí nào có giá trị chiếm hơn 10% trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty và các công ty con khác với số thuế TNDN khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.817.596.666.776	2.394.929.775.787
Thuế tính ở thuế suất 20%	563.519.333.355	478.985.955.157
Điều chỉnh:		
- Thu nhập không chịu thuế	(2.580.683.619)	(1.000.000.000)
- Chi phí không được khấu trừ	538.671.325	-
- Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	411.000	975.868.554
- Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	(4.244.977.737)	130.316.042
- Dự phòng thiếu của năm trước	2.018.244.697	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>559.250.999.021</u>	<u>479.092.139.753</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
- Thuế TNDN - hiện hành	553.870.253.638	458.846.923.319
- Thuế TNDN - hoãn lại	5.380.745.383	20.245.216.434
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>559.250.999.021</u>	<u>479.092.139.753</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2022 VND	2021 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.162.456.030.917	2.041.293.767.872
Chi phí nhân viên	4.355.717.302.435	3.927.312.894.173
Khấu hao TSCĐ	1.173.650.989.196	1.130.395.527.744
Dịch vụ mua ngoài	3.987.227.692.321	2.911.363.494.034
Khác	509.526.051.854	482.157.247.353
	<u>12.188.578.066.723</u>	<u>10.492.522.931.176</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

32 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty và các công ty con chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty và các công ty con các cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty và các công ty con là theo lĩnh vực kinh doanh.

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm hoạt động chủ yếu của Công ty và các công ty con là cung cấp các dịch vụ viễn thông (bao gồm dịch vụ Internet, truyền hình trả tiền, quảng cáo trực tuyến, cho thuê đường truyền và lưu trữ dữ liệu và các dịch vụ viễn thông khác). Doanh thu và lợi nhuận từ bán hàng hóa chiếm dưới 10% tổng doanh thu và lợi nhuận của Công ty và các công ty con. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn hàng bán, cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh 24 và Thuyết minh 25.

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần FPT, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Tuy Công ty mẹ nắm giữ 45,66% vốn cổ phần của Công ty nhưng có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị hoặc cấp quản lý tương đương của Công ty và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan (*)	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần FPT	Công ty mẹ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	Cổ đông chính
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	Công ty con của Công ty mẹ
Trường Đại học FPT	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	Công ty liên kết của Công ty mẹ

(*) Số liệu của bên liên quan được trình bày trong thuyết minh này bao gồm số liệu của công ty liên quan và các công ty thành viên trực thuộc công ty đó (nếu có).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	2022 VND	2021 VND
i) Bán hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	79.413.816.638	217.620.791.056
Công ty TNHH Phần mềm FPT	66.479.713.792	58.394.601.804
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	35.851.720.036	23.838.160.988
Trường Đại học FPT	13.307.665.628	16.349.906.989
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	11.000.311.436	10.324.263.264
Công ty Cổ phần FPT	9.001.123.010	25.166.632.226
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	6.193.199.246	5.374.953.745
Các công ty thành viên khác cùng Tập đoàn	16.801.884.160	2.318.830.315
	<u>238.049.433.946</u>	<u>359.388.140.387</u>
ii) Mua TSCĐ, hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	277.384.468.537	414.292.529.096
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	343.766.796.872	298.976.810.256
Công ty Cổ phần FPT	127.435.232.036	93.156.534.164
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	25.014.382.267	17.766.891.283
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	9.650.554.197	34.536.527.594
Công ty TNHH Phần mềm FPT	5.543.781.632	5.205.549.690
Các công ty thành viên khác cùng Tập đoàn	422.232.331	62.226.130
	<u>789.217.447.872</u>	<u>863.997.068.213</u>
iii) Chia cổ tức bằng cổ phiếu		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	-	274.570.030.000
Công ty Cổ phần FPT	-	249.845.760.000
Các cổ đông khác	-	22.815.130.000
	<u>-</u>	<u>547.230.920.000</u>
iv) Chia cổ tức bằng tiền		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	164.742.021.000	164.742.021.000
Công ty Cổ phần FPT	149.907.458.000	149.907.458.000
Các cổ đông khác	13.690.059.000	13.690.059.000
	<u>328.339.538.000</u>	<u>328.339.538.000</u>
v) Nhận cổ tức bằng tiền		
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT	-	5.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		2022 VND	2021 VND
vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt			
Hội đồng Quản trị			
Hoàng Nam Tiến	Chủ tịch	-	-
Chu Thị Thanh Hà	Thành viên	-	-
Trương Gia Bình	Thành viên	-	-
Lê Ngọc Diệp	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	-	-
Nguyễn Hoàng Quyền	Thành viên (*)	50.714.286	(*)
Phạm Công Minh	Thành viên	9.285.714	60.000.000
		<u>120.000.000</u>	<u>120.000.000</u>

(*) Ông Nguyễn Hoàng Quyền được bổ nhiệm làm Thành viên Hội đồng Quản trị thay cho ông Phạm Công Minh từ ngày 20 tháng 4 năm 2022.

Ban kiểm soát

Trần Khương	Trưởng ban	-	-
Phạm Xuân Hoàn	Thành viên	-	-
Đỗ Xuân Phúc	Thành viên	24.000.000	24.000.000
		<u>24.000.000</u>	<u>24.000.000</u>

Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Hoàng Việt Anh	Tổng Giám đốc	2.400.000.000	2.242.000.000
Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc	1.800.000.000	1.680.000.000
Vũ Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc	1.800.000.000	1.680.000.000
Chu Hùng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	1.800.324.600	1.680.000.000
Đỗ Thị Hương	Giám đốc Tài chính	1.450.000.000	1.344.000.000
Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng (**)	657.300.000	(**)
		<u>9.907.624.600</u>	<u>8.626.000.000</u>

(**) Bà Nguyễn Thị Thu Hương được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng của Công ty thay cho bà Đỗ Thị Hương từ ngày 3 tháng 1 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2022 VND	2021 VND
i) Tiền gửi tại tài khoản tập trung FPT		
Công ty Cổ phần FPT	362.640.459	28.041.134
ii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	12.865.688.622	18.232.500.803
Công ty TNHH Phần mềm FPT	2.596.770.871	4.646.782.283
Công ty Cổ phần FPT	1.532.344.125	4.006.762.922
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	799.091.021	386.563.475
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	288.589.390	279.003.499
Các công ty thành viên khác cùng Tập đoàn	2.737.925.903	1.141.877.931
	<u>20.820.409.932</u>	<u>28.693.490.913</u>
iii) Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty TNHH Phần mềm FPT	-	4.521.000.000
Công ty Cổ phần FPT	367.864	-
	<u>367.864</u>	<u>4.521.000.000</u>
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	39.565.780.782	24.073.613.383
Công ty Cổ phần FPT	21.941.567.281	20.530.794.083
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	90.067.525.544	4.902.747.464
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	1.812.181.600	1.147.486.002
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	2.191.789.136	735.428.462
Công ty TNHH Phần mềm FPT	517.265.092	965.742.919
Các công ty thành viên khác cùng Tập đoàn	795.780	65.872.856
	<u>156.096.905.215</u>	<u>52.421.685.169</u>
v) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17)		
Thu hộ bên liên quan	67.487.789	92.312.441
Lợi nhuận và cổ tức phải trả	1.981.653.483	1.927.846.433
	<u>2.049.141.272</u>	<u>2.020.158.874</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

34 CÁC CAM KẾT**(a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty và các công ty con phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động đã ký kết trong tương lai như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dưới 1 năm	173.297.696.409	154.733.482.338
Từ 1 năm đến 5 năm	242.136.397.327	265.377.645.194
Trên 5 năm	39.071.304.844	28.753.606.150
Tổng cộng các khoản phải thanh toán tối thiểu	454.505.398.580	448.864.733.682

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2022 VND	2021 VND
Trung tâm dữ liệu	19.275.669.609	68.280.393.396
Khác	-	1.206.743.710
	19.275.669.609	69.487.137.106

35 NỢ TIỀM TÀNG**Nghĩa vụ hoàn nguyên đất thuê:**

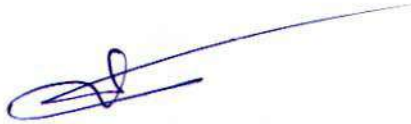
Công ty và các công ty con ký các hợp đồng thuê đất và đã xây dựng công trình và hạ tầng trên các khu đất thuê. Các hợp đồng thuê đất không nêu rõ nghĩa vụ của Công ty và các công ty con trong việc tháo dỡ công trình xây dựng, vật kiến trúc và các tài sản khác của Công ty và các công ty con trên đất thuê vào cuối thời hạn thuê đất. Nghĩa vụ này phụ thuộc vào việc trao đổi, thỏa thuận thêm giữa Công ty và các công ty con với các bên cho thuê đất vào cuối thời hạn thuê đất. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất này, nghĩa vụ hoàn nguyên của Công ty và các công ty con đối với các khu đất thuê là chưa được xác định. Do đó, Công ty và các công ty con không ghi nhận nghĩa vụ hoàn nguyên đối với các khu đất thuê trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

36 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/NQ-HĐQT/FTEL đề ngày 8 tháng 11 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông báo và chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức bằng tiền vào ngày 6 tháng 1 năm 2023 với tỷ lệ chia cổ tức là 1.000 Đồng trên một cổ phiếu.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 13 tháng 3 năm 2023.



Nguyễn Thị Hồng
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Hoàng Việt Anh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật



DANH BA CÔNG TY

TRỤ SỞ CHÍNH:

Toà nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân,
P.Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

VĂN PHÒNG HÀ NỘI:

Tầng 9, FPT Tower, Số 10 Phạm Văn Bạch,
Quận Cầu Giấy, Tp.Hà Nội

VĂN PHÒNG HỒ CHÍ MINH:

Lô 37-39A, đường 19, KCX, Q.7, Hồ Chí Minh

ĐIỆN THOẠI: (84-24)-7300 2222

FAX: (84-24)-37950047

WEBSITE: www.fpt.vn

FACEBOOK: www.facebook/FptTelecom

CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT

Tại Hà Nội:

Tầng 18 Tòa nhà FPT, số 10 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 7300 2222

Fax: (84-24) 3726 4648

Tại TP HCM:

Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, P.Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 7300 2222

Fax: (84-28) 6297 1197

Website: www.fpt-fti.vn

CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH FPT

Tại Hà Nội:

Tầng 20, Tòa nhà FPT, số 10 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 7300 2222

Fax: (84-28) 6297 1197

Tại TP HCM:

124 Sương Nguyệt Ánh, P.Bến Thành, Q1, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 7300 2222

Fax: (84-28) 7300 8889

CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT TÂN THUẬN

Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, P.Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 7300 2222

Fax: (84-28) 7300 8889

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG FPT

Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ cao, P. Tăng Nhơn Phú A, Q9, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 7300 2222

Fax: (84-28) 7300 8889

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Tại Hà Nội:

Tầng 4-5, Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Điện thoại: (84 -24) 7300 9999

Fax: (84 -24) 7300 9998

Tại TP HCM:

Tầng 6-7, Tòa nhà Exchange Tower, số 1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84 -24) 7300 9999

Fax: (84 -24) 7300 9998

Website: <https://fptonline.net/>

Telecom

CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC

CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC KHU VỰC MIỀN BẮC

Văn phòng Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Tầng 9, FPT Tower, Số 10 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
Chi nhánh Bắc Giang - Công ty cổ phần Viễn Thông FPT	ALK 36-06, khu số 2, khu đô thị phía Nam, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Bắc Ninh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Căn L03, Tòa Nhà Thương Mại V-City, Đường Lê Thái Tổ, Phường Võ Cường, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
Chi nhánh Cao Bằng - Công ty cổ phần viễn thông FPT	Số 008, Phố Kim Đồng, Tổ 15, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng Việt Nam
Chi nhánh Điện Biên - Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	Số 584, đường Võ Nguyên Giáp, tổ 1, P. Tân Thanh, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên
Chi nhánh Hà Nam - Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	PG02-05 khu nhà liền kề Vincom, đường Châu Cầu, phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 115 Nguyễn Biểu, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
Chi nhánh Hải Dương - Công ty cổ phần Viễn Thông FPT	Số 16+18 Bà Triệu, phường Phạm Ngũ Lão, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, VN
Chi nhánh Hải Phòng - Công ty cổ phần Viễn Thông FPT	137 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng
Chi nhánh Hòa Bình - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 313, đường Trần Hưng Đạo, Xã Sủ Ngòi, Thành Phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Hưng Yên - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 1 khu bến xe Mỹ Hào, phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Lạng Sơn - Công ty cổ phần viễn thông FPT	Số 322 đường Bà Triệu, phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Chi nhánh Lào Cai - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Số nhà 228, đường Hoàng Liên, tổ 36, Phường Cốc Lếu, Thành Phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
Chi nhánh Nam Định - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 6 đường Đông A, Khu đô thị Hòa Vượng, P. Lộc Vượng, TP. Nam Định, T. Nam Định, Việt Nam
Chi nhánh Nghệ An - Công ty cổ phần Viễn Thông FPT	Số 38 Khu đô thị Trung Đô, Đại Lộ Lê Nin, P. Hưng Dũng, TP. Vinh, T. Nghệ An

Chi nhánh Ninh Bình - Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	SN195, đường Lê Đại Hành, Phố Thanh Sơn, P. Thanh Bình, TP. Ninh Bình, T. Ninh Bình
Chi nhánh Phú Thọ - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Số 1221 Đại lộ Hùng Vương, P. Tiên Cát, TP. Việt Trì, T. Phú Thọ
Chi nhánh Quảng Ninh - Công ty cổ phần Viễn Thông FPT	Số 351 - 353 Nguyễn Văn Cừ, Tổ 11 khu 3, Phường Hồng Hải, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
Chi nhánh Sơn La - Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	Số nhà 08, đường Nguyễn Lương Bằng, Tổ 4, Phường Quyết Thắng, TP. Sơn La, Tỉnh Sơn La
Chi nhánh Thái Bình - Công ty cổ phần Viễn Thông FPT	Số 168 Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 46, P. Bò Xuyên, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, VN
Chi nhánh Thái Nguyên - Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	Số 66, đường Bắc Sơn, tổ 11, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Thanh Hóa - Công ty cổ phần Viễn Thông FPT	Lô 09 khu nhà ở Thương Mại, Đ. Phan Chu Trinh, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, VN
Chi nhánh Tuyên Quang-Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 118 đường Trần Phú, tổ 17, phường Tân Quang, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
Chi nhánh Vĩnh Phúc - Công ty cổ phần Viễn Thông FPT	Số nhà 18, Đường Nguyễn Trãi, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Chi nhánh Yên Bái - Công ty cổ phần viễn thông FPT	Nhà phố thương mại số LK-D04, Tổ 8, Phường Minh Tân, Tp. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC KHU VỰC MIỀN TRUNG

Chi nhánh Bình Định - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Số 94 Đường Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	182-184 Đường 2/9, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần viễn thông FPT	11 Trần Hưng Đạo, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk
Chi nhánh Gia Lai - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	67 Tầng Bạt Hồ - P. Yên Đổ, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Huế - Công ty cổ phần viễn thông FPT	72 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành Phố Huế
Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	STH22.32-33, đường Thích Quảng Đức, Phường Phước Hải, TP. Nha Trang, tỉnh KHánh Hòa
Chi nhánh Kon Tum - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	128 Phan Chu Trinh, Phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Chi nhánh Phú Yên - Công ty Cổ phần viễn thông FPT	Số A11, Khu đô thị Hưng Phú, đường Trần Phú, phường 5, Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Chi nhánh Quảng Bình - Công ty Cổ phần viễn thông FPT	Đường Minh Mạng, TDP15, Phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, VN
Chi nhánh Quảng Nam - Công ty Cổ phần viễn thông FPT	490 Hai Bà Trưng, P. Tân An, TP. Hội An, T. Quảng Nam
Chi nhánh Quảng Ngãi - Công ty Cổ phần viễn thông FPT	249 Phan Bội Châu, P. Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Chi nhánh Quảng Trị - Công ty cổ phần viễn thông FPT	Số 20 Lê Lợi, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
Chi nhánh Thanh Hoá - Công ty cổ phần viễn thông FPT	Lô 04, 05, MBQH 2072, đường Nguyễn Duy Hiệu, Phường Đông Hương, TP. Thanh Hóa

CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC KHU VỰC MIỀN NAM

Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Lô 37-39A, Đường 19, Khu chế xuất Tân Thuận, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM, VN
Chi Nhánh An Giang - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	132 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam
Chi Nhánh Bạc Liêu - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	44-45 Ninh Bình, Phường 2, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
Chi Nhánh Bến Tre - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	285K Khu Phố 3, Phường Phú Tân, Thành Phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Chi Nhánh Bình Dương - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Ô 9, 10, Lô B1, Đường D9, KDC Chánh Nghĩa, P. Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Chi nhánh Bình Phước - Công ty cổ phần viễn thông FPT	498 Quốc Lộ 14, Khu Phố Phú Thịnh, Phường Tân Phú, Thành Phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
Chi Nhánh Bình Thuận - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Số 59 Thủ Khoa Huân, Phường Phú Thủy, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Chi Nhánh Cà Mau - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Số 135, đường Trần Hưng Đạo, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Chi Nhánh Cần Thơ - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Số 10 Phan Văn Trị, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Chi Nhánh Đồng Nai - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	196 Hà Huy Giáp, KP1, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai
Chi Nhánh Đồng Tháp - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	04 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Chi Nhánh Hậu Giang - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	193H Đường Trần Hưng Đạo, Khu vực 3, Phường 5, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

Chi Nhánh Kiên Giang - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Số 259 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Vĩnh Thanh, TP Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
Chi Nhánh Lâm Đồng - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	36 Pasteur, Phường 4, TP.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
Chi Nhánh Long An- Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	142 Hùng Vương, phường 2, TP.Tân An, T.Long An
Chi Nhánh Ninh Thuận - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Số 352-354 Ngô Gia Tự, phường Tấn Tài, TP.Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận,
Chi Nhánh Sóc Trăng - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Số 76 Lê Duẩn, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Chi Nhánh Tây Ninh - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Số 476 Đường 30/4, Khu phố 5, Phường 3, Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Chi nhánh Bình Định – Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Số 94 Đường Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Chi Nhánh Tiền Giang - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	284 Ấp Bắc, Phường 10, Tp.Mỹ Tho, T.Tiền Giang
Chi nhánh Trà Vinh - Công ty cổ phần viễn thông FPT	Số 45, Nguyễn Đăng, Khóm 6, Phường 7, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
Chi Nhánh Vĩnh Long - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	68/11A Phạm Thái Bường, Phường 4, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Chi Nhánh Vũng Tàu - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Số 186 Trương Công Định, Phường 3, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam



**THANK
YOU.**

